



HISTORY OF SUBUD

Volume 1: The Coming of Subud (1901–1959)

Book 2: Spreading Through the World, Part 1

Compiled and written by Harlinah Longcroft

Những bước đầu của Subud Nam Dương

Minh Thần viết dựa theo cuốn History of Subud

© 2021 Minh Thần

Phiên bản điện sách 06.2021 Góc Nhỏ

Những bước đầu của Subud Nam Dương

Minh Thần

viết dựa theo quyển History Of Subud



Những bước đầu của Subud ở Nam Dương

Thời kì đầu tiên của Subud là từ 1933 cho tới 1957, lúc latihan lần đầu được truyền cho người khác tới lúc Hussein Rofe đến Nam Dương. Thời kì này có thể chia thành 3 giai đoạn là trước, trong lúc và sau thế chiến: đó là những khoảng thời gian 1933-1939, 1939-1945 và 1946-1957.

Giai đoạn 1933-1939

Bapak nhận được latihan vào năm 1925 và ai đã đọc những bài nói chuyện hay tự truyện của Bapak thì đều biết Bapak đã nhận được như thế nào. Trước đó Bapak đã đi tầm sư học đạo, nhưng không có ai chịu nhận người làm đệ tử, vì tất cả các tôn sư mà người đến gặp đều nói rằng người chẳng cần phải học hỏi gì thêm nữa. Vị tôn sư cuối cùng mà Bapak đến diện kiến là Kyai Abdurachman

Trong một buổi nói chuyện ở Cilindak 1980, Bapak vạch cho thấy sự khác biệt giữa Subud và giáo lí của Kyai Abdurachman.

“Nguồn gốc giáo lí của Kyai Abdurachman là Sunan Ngampel Dento ở Surabaya. Sunan Ngampel Dento là sự phụ của các walis, các vị thánh, và ông đã sống trước khi có bất cứ vị walis nào. Giáo lí của Sunan Ngampel Dento hầu như y hệt latihan kedjiwaan Subud, nhưng chỗ khác nhau là về phương pháp. Đó là điều mà tiếng Hà Lan gọi là hệ thống (system), điều được gọi là *tarekh*. Người ta nói nó là cái *tarekh của Naqsbandi*, đó là cái *tarekh* cao đẹp nhất, nhưng vẫn còn là một giáo lí, vẫn còn là điều gì từ một nguồn là con người, vì người ta nói rằng nguồn gốc của nó là Sunan Ngampel Dento. Nên nó vẫn có cái cơ cấu được chia thành từng phân: cái này ở đây, cái nọ ở chỗ kia, cái này được gọi là như thế này, cái kia như thế kia, cái này là thế này, cái kia là thế kia, cuối cùng thì ta được dẫn đến Thượng Đế. Nhưng đó có thực sự là Thượng Đế, hay chỉ là một trong các thần thánh? Tôi không biết, vì Thượng Đế thực sự là Thượng Đế thì không thể cho thấy được. Thượng Đế không thể cho thấy được, vì trước khi có tôi thì đã có Thượng Đế, trước khi có bất cứ những gì được cho thấy, thì trước đó đã có Thượng Đế. Làm sao có thể cho thấy được Thượng Đế? Đó là chỗ khác biệt giữa giáo lí và latihan kedjiwaan Subud. Do đó mà Bapak nói rằng trong Subud không có lí thuyết. Không có lí

thuyết và tất cả những gì các bạn tiếp nhận được là sự hướng dẫn của Thượng Đế...”

Sự tiếp nhận của Bapak kéo dài 1000 ngày và kết thúc vào năm 1928. Trong khoảng thời gian này Bapak không còn đến học đạo của Kyai Abdurachman nữa, nhưng vẫn còn gặp những đệ tử của ông. Mỗi đêm mọi người đều tụ tập nơi nhà Bapak để đàm đạo.

Theo những gì Bapak kể, những người đến gặp mình không chỉ là những kẻ cùng tuổi với mình, mà còn có cả những kẻ lớn tuổi hơn mình và là đệ tử lâu đời của Kyai Abdurachman. Dù họ là ai đi nữa, Bapak cũng cảm thấy mình có thể giúp đỡ họ.

Nhưng có những lúc Bapak cảm thấy quả thực không được vui cho lắm, bởi tuy đã tiếp nhận được điều gì phi thường, nhưng mình lại không thể chia sẻ với người khác. Nếu nói chuyện với họ về sự tiếp nhận của mình, Bapak không thể làm cho họ hiểu được, vì họ không có những chứng nghiệm tương tự. Latihan khiến Bapak cảm thấy mình khác biệt với bạn bè mình, nhưng đó lại là điều người không hề muốn chút nào.

Các đệ tử của Kyai Abdurachman lấy làm lạ về thái độ của Bapak. Người hầu như không còn đến thăm sư phụ nữa, tuy trên danh nghĩa mình vẫn còn là một môn đồ. Hơn nữa, Bapak hiển nhiên có ‘cái gì đó’ đặc biệt, tuy tuổi vẫn còn trẻ và có vẻ như không theo một đường lối nào khác ngoài việc làm lễ theo Hồi giáo. Nhiều lần họ hỏi sư phụ mình về Bapak. Thường thường ông đáp lại rằng Bapak đã nhận được tất cả những gì cần thiết cho mình, và một ngày nào đó sẽ trực tiếp nhận được của sứ giả Thượng Đế là Muhammed. Điều này ông cũng nhiều lần nói cho Bapak hay, và đó có thể là một điều khiến Bapak không còn đến học hỏi của ông nữa. Một điều khác là Bapak không còn thấy hứng thú làm việc đó nữa.

Một số những đệ tử của Kyai Abdurachman sau này sẽ là những người đầu tiên nhận được latihan. Hình như có hai lần các đệ tử đã hỏi là sau khi ông qua đời, ai sẽ là người kế vị, vì tuổi ông đã cao. Ông đã không thể hay không muốn trực tiếp trả lời. Họ liền kiếm cách khác, đề dụ ông nói ra. Họ hỏi về trình độ mà linh hồn đã đạt được, và nếu ông xác nhận ai đó có linh hồn cao, thì tất nhiên họ biết được kẻ đó sẽ kế vị. Họ hỏi trong các đệ tử ai là người đạt

được linh hồn *rohani* của con người toàn thiện. Ông đáp là ‘chưa thể được. Chỉ tới trình độ thực vật hay thú vật là cùng.’ Nhận tiện họ liền đề cập tới anh chàng Subuh. Họ nói rằng không thấy anh chàng thường đến học...nhưng ông liền đáp là họ không được so sánh Subuh với những đệ tử khác, vì anh chàng đó không thuộc cùng một hạng người như họ, và chính ông cũng không thể so sánh với anh được. Điều này tất nhiên càng khiến họ tò mò thêm, nên họ hỏi tiếp là như vậy Subuh đã có linh hồn của con người toàn thiện? Câu trả lời là ‘Không. Còn cao hơn nữa.’ Trình độ *rabbani* của thiên thần? ‘Cao hơn nữa.’ Trình độ *Roh Ilofi*, nghĩa là trình độ của Chúa Thánh Thần, Subuh đã đạt tới trình độ đó? Khi được hỏi như thế, Kyai Abdurachman đáp: ‘Có thể vậy’

Một đêm nọ, Kyai Abdurachman có mặt tại nhà một người bạn của Bapak, không xa nơi Bapak ở. Các đệ tử của ông cũng có nơi đó, để nghe một buổi nói chuyện, và một vài người khác thì ngồi bên ngoài. Những người đó chợt giật mình trông thấy một trái banh là ánh sáng rớt thẳng xuống nhà của Bapak.

Raden Sudarmo Hadiprojo là một trong những người đã trông thấy. Cùng với một hay hai người bạn, anh vội chạy đến nhà Bapak, nhưng lúc đó đã khuya, cửa đã đóng và Bapak sắp đi ngủ. Họ đập cửa, và tộ về ngạc nhiên, Bapak ra mở. Sudarmo nhanh nhẹn bước vào, cầm tay Bapak hôn và nói: ‘Tạ ơn Chúa, anh đã nhận được ân huệ của Chúa.’ Sudarmo và bạn bè mình trở về nơi Kyai Abdurachman đang có buổi nói chuyện, kê cho ông cùng mọi người nghe về cái biến cố lạ lùng đó. Kyai Abdurachman nói: ‘Phải là như vậy. Lúc này là lúc cậu Subuh tiếp nhận được như vậy.’

Theo Tự Truyện của Bapak, biến cố đó xảy ra trong năm 1928, và đã làm cho các đệ tử của Kyai Abdurachman xúc động. Họ đã yêu cầu Bapak làm thầy chỉ dẫn cho mình, nhưng trên thực tế Bapak vẫn chỉ coi họ là những đồng môn cùng đi tìm đạo. Nên hầu như đêm nào họ cũng đến nhà Bapak. Rất có thể là trong lúc Bapak trò chuyện với họ, latihan đã tác động tới họ.

Bapak thường nói rằng khi truyền latihan cho người khác, mình đã truyền y hệt như cách tất cả các phụ tá Subud đã làm. Nhưng lần đầu tiên nhận được latihan và trong thời kì 1000 ngày tiếp theo đó, Bapak đã không thể trực tiếp truyền latihan. Khi xảy ra biến cố cực ánh sáng rớt xuống nhà mình trong năm 1928 và cho tới năm

1932, Bapak hình như đã không ý thức được có điều gì đó trọng đại đang xảy ra, tuy vẫn tiếp tục tập latihan và đón tiếp những đệ tử của Kyai Abdurachman vẫn coi mình là đồng môn. Khi được họ hỏi về những điều này nọ, Bapak trả lời theo sự tiếp nhận của mình, và như vậy làm cho họ được tiếp xúc với latihan, mặc dù chưa có ai được khai mở ai. Người vẫn còn thấy mình chưa đủ khả năng khai mở người khác, nhưng hình như lúc đó người đã cầu nguyện: ‘Xin đừng để cái đó chỉ cho con thôi. Xin để cho cả toàn thể nhân loại.’

Hình như khi tiếp nhận được những cuốn sách kì diệu cho thấy những điều này nọ, người đã được chỉ cho cách khai mở cho người khác, nhưng thời cơ chưa đến. Tuy trong thời kì 1932-1933 một vài người bạn đã tự động nhận được latihan mà không do ý muốn của mình, nhưng chỉ đến cuối năm 1933 Bapak mới bắt đầu khai mở cho người khác, và tiếp theo là cho một nhóm nam ở Semarang. Từ nơi đó latihan bành trướng tới những nơi khác ở Java.

Trong thời kì 1932-1933 có hai biến cố tâm linh quan trọng. Điều thứ nhất xảy ra buổi tối nơi nhà Bapak ở Bergota Kalisari. Những đồng môn của Bapak thường tụ tập nơi đó, và một vài kẻ đứng bên ngoài. Lúc đó trời trong mát và trăng tròn. Chợt nhiên bầu trời trở nên đen tối, có nhiều đám mây xoáy như trong cơn lốc, và giữa đám mây một luồng ánh sáng xuất hiện như một chiếc dù sáng chói bằng vàng của vua chúa. Tiếp theo là một trận mưa lớn và những cơn gió mạnh. Ngay lúc đó đất lở rất nhiều nơi sườn núi Tolomayu làm vỡ đê một hồ nước, khiến cho khu vực chung quanh bị ngập lụt. Cách đó không xa, ngọn Núi Merapi nổ và phun ra những dung nham gây nhiều thiệt hại.

Theo những gì Bapak kể lại, đó là lúc có 3 người đang đứng giữa căn phòng trong nhà mình là Pak Wignyo- supartono, Pak Sumantri và bản thân Bapak, còn những người khác thì đứng chung quanh. Mọi người đều quy thuận Thượng Đế và làm *dzikir*¹. Một luồng ánh sáng chiếu xuống, và lan tràn tới nơi 3 người đang đứng giữa phòng.

Bapak và hai người kia trong lúc đó đều ý thức được sự hiện diện của quyền năng Thượng Đế, nhưng tất nhiên Bapak đã hiểu rõ hơn ai hết ý nghĩa của sự việc đó. Vì Pak Wignyosupartono và Pak
1 Tụng niệm câu La Ilaha Illala (Không có Thượng Đế nào ngoài Allah

Sumantri đều lớn tuổi hơn Bapak và điều đó tuy xảy ra trong nhà Bapak, nhưng là trong lúc họ có mặt, nên họ cho là thiên ân được chia cho 3 người, có thể là mỗi người nhận được 1/3.

Sau này Bapak thường nói rằng quả thực Pak Wignyosupartono đã nhận được chút gì đó trong lúc đó, và điều đó đã khiến ông có thể truyền latihan cho các môn đồ của mình, tuy ông đã dung hợp nó với những đường lối tu tập khác. Pak Sumantri cũng có những môn đồ của mình, và trong những năm sau đó ông đi theo con đường của chính mình. Nhưng sự khác biệt giữa hai người đó và Bapak ở chỗ là kẻ từ đó, họ không còn nhận được thiên khai nữa, trong khi Bapak vẫn còn được cho tới cuối đời mình.

Hồi đó ngoài những người là đồng môn của Bapak đã gián tiếp được tiếp xúc với latihan, còn có một người khác nữa tên là Semantri Hatmowidjojo, một thanh niên 24 tuổi ở trọ nơi nhà Bapak. Cho tới nay Pak Semantri Hatmowidjojo vẫn còn là một hội viên Subud thuần thành, và ông luôn nói rằng mình đã không được khai mở, mà là đã tiếp nhận được latihan bằng cách nhìn xem Bapak tập latihan.

Tháng 3 năm 1933 Bapak bỏ công ăn việc làm của mình, và về chuyện này Bapak nói: ‘...có điều gì đó kì lạ đã xảy ra, ngoài sự mong đợi của Bapak, khiến tâm trí mình mất đi khả năng làm việc; cho nên, Bapak chỉ có thể yên tĩnh để cho sự việc xảy ra trong lòng mình, tùy theo thực chất của sự tiếp nhận...’ Nên Bapak xin nghỉ việc làm cho chính quyền thành phố, một công việc mình đã làm được 14 năm, và có thể sẽ được trợ cấp khi về hưu. Ngoài ra, Bapak còn bỏ tất cả những việc làm khác đã khiến mình kiếm được thêm tiền.

Kẻ từ đó thì thật khó khăn. Bapak không chỉ là người chủ gia đình kiếm tiền để nuôi vợ con, mà còn cả mẹ mình nữa, có thể còn cả một vài thân nhân khác nữa. Không phải người thân nào cũng coi Bapak có cái gì đó đặc biệt. Em trai mình, Pak Paat, chỉ vào Subud 50 năm sau, khi ông về hưu. Một vài người thân đã tìm cách thuyết phục Bapak đừng bỏ công ăn việc làm. Thấy không có kết quả gì, họ bảo bà vợ Bapak là Ibu Roemindah nói chuyện với chồng mình về việc đó. Trong cuốn *The Path of Subud*, Husein Rofe thuật lại Bapak đã nói lại với vợ mình như thế nào.

“Việc tôi không còn được nhận công ăn việc làm của loài người là lệnh của Thượng Đế, và việc lo cho hạnh phúc chúng ta hoàn toàn là trách nhiệm của Thượng Đế. Bà cứ vững tin thì sẽ thấy chúng ta được cấp dưỡng đầy đủ; chúng ta sẽ không thiếu những thứ nhu yếu. Nhưng nếu bà ép buộc tôi phải chọn giữa bà và Thượng Đế, thì chúng ta sẽ phải chia tay.”

Biến cố trọng đại thứ hai xảy ra giữa năm 1933, lúc Bapak được 32 tuổi. Đó là lúc Bapak nghiệm được sự thặng thiên, và điều này đã được người kể lại trong tự truyện, và nhắc lại nhiều lần trong những buổi nói chuyện. Chỉ kể từ lúc đó Bapak mới khai mở cho người khác, và latihan bắt đầu bành trướng trước hết tại Java, và 20 năm sau trên khắp thế giới.

Trong một bức thư viết cho Husein Rofe ngày 9 tháng Giêng năm 1953 Bapak nói:

“Wignyosupartono nhận được của tôi sự giao tiếp trong năm 1932, khi tôi vẫn còn ở Semarang, ngay sau khi tôi nhận được Thiên Khải. Như vậy Wignyosupartono là người đầu tiên mà tôi từng huấn luyện và chỉ dẫn...”

Nhưng Bapak cũng thường nói rằng mình chỉ bắt đầu khai mở cho thiên hạ vào khoảng giữa năm 1933. Vậy thì có thể ông là một ngoại lệ và là người đầu tiên nhận được latihan. Người thứ hai nhận được latihan là Pak Muhammed Slamet Kusumowijoyo, và ông đã quen Bapak từ năm 1928, khi hai người còn là đệ tử của Kyai Abdurachman. Năm 1933 Pak Slamet thấy khó chịu, vì mình không thể truyền cho người khác những gì nhận được của Kyai Abdurachman. Ông nói chuyện với Bapak về việc đó, Bapak cũng cảm thấy như vậy, và họ quyết định không liên hệ với nhóm của Kyai Abdurachman nữa. Một buổi tối họ Pak Slamet ra ngoài đi dạo chơi; đến một chỗ nào đó ông ngưng lại và dựa lưng vào một bức tường để nghỉ mệt. Điều kinh ngạc là thân thể ông tự nhiên cử động. Ông liền nghĩ là đang có động đất. Thực ra, chẳng có gì hết.

Là một người Hồi giáo thuần thành, Pak Slamet thường cầu kinh mỗi ngày. Một hôm họ, trên lầu nhà mình, ông cầu kinh theo lối thông thường bằng cách nói *Allahu Akbar*, nhưng thay vì làm những động tác tương ứng với sự cầu kinh đó, ông chợt thấy mình nhảy múa. Ông không thể hiểu được những gì đang xảy ra. Ông thử lại

một lần nữa, và lần này thì ông thấy mình ca hát. Ông nghĩ có lẽ mình đang bị một hồn ma nào đó nhập vào. Hoảng hồn ông chạy xuống dưới nhà, nhưng không đề cập với bất cứ ai về chuyện đó.

Một vài ngày sau, Pak Amir đến nhà Pak Slamet mượn một máy đánh chữ và giấy viết, để đem tới cho Bapak. Nhân tiện Pak Slamet kể cho Pak Amir về những động tác mình nhận thấy, và hỏi bạn mình nghĩ thế nào về chuyện đó, Pak Amir đáp là nên đi hỏi Bapak, và cho hay là Bapak đang bắt đầu khai mở cho thiên hạ.

Pak Amir từ biệt mang theo máy đánh chữ, nhưng lại quên giấy viết. Nên Pak Slamet phải tự mình đem giấy đến cho Bapak. Khi ông gặp Bapak, Bapak liền hỏi là ông sẽ làm gì, khi bắt đầu vẽ (Pak Slamet là một nghệ sĩ hoàn hảo). Ban đầu Pak Slamet tưởng là Bapak muốn hỏi mình về cách vẽ một bức tranh, nên ông lấy một cây bút chì...nhưng ngay lúc đó Bapak liền cắt ngang và lại hỏi thêm một lần nữa. Pak Slamet chợt hiểu được rằng Bapak đang muốn hỏi gì. Câu hỏi của Bapak liên quan tới tình trạng nội tâm. Ông đáp nếu mặt mình không ớn, thì mình cảm thấy khó chịu; nếu tai mình không ớn, thì mình thấy ốm đau; nếu đứng không đứng tư thế, thì mình thấy đau đớn. Những câu trả lời đó cho thấy ông đã ý thức được nội ngã mình. Khi nghe được điều đó, Bapak bảo hãy đến tối mai.

Ông đến lúc 8 giờ tối, Ibu Roemindah ra mở cửa. Như bị một cú sốc nặng, bà nhìn ông một cách quái gở, nhưng cũng mời ông vào nhà. Gặp Bapak, ông hỏi là tại sao Ibu Roemindah đã tỏ vẻ kinh ngạc. Bapak mỉm cười và đáp là ngay trước khi ông đến, họ đã tiếp một người khách khác mặc áo dài màu trắng. Nhân vật đó nói với họ rằng sẽ có một người đến thăm, và khi hỏi người đó là ai, thì họ được cho hay là cứ chờ xem thì sẽ biết. Nhân vật đó cáo biệt, nhưng căn phòng nơi ông ngồi đầy một mùi hương thơm, khiến họ biết được đó là một thiên thần.

Pak Slamet đứng trước mặt Bapak. Trước hết, Bapak nói là nội ngã ông đã này nờ và khá lớn. Pak Slamet được khiến cho cử động, và ông nhảy múa một vũ điệu ngoạn mục nhất. Sau đó Bapak cho ông hay đó là vũ điệu *serimpi* hiện nay vẫn còn được nhảy múa, và hỏi xưa thiên hạ đã nhảy múa với nội ngã mình, nhưng hiện nay thì đó chỉ là những điều được học tập và trình diễn theo trí óc.

Sau vụ đó Pak Slamet tập latihan với Bapak mỗi đêm và hầu như suốt đêm. Cũng trong khoảng thời gian đó Kyai Abdurachman nghe nói Bapak bắt đầu khai mở cho thiên hạ, và ông cũng muốn được khai mở. Nhưng tuổi tác ông đã cao, và trên đường đến gặp Bapak, ông đã qua đời.

Phần đông những người được khai mở trong giai đoạn đầu đều là đệ tử của tôn sư này hay tôn sư nọ, và họ thấy khó có thể hiểu được sự việc Bapak không có giáo lí, và latihan không đòi hỏi phải theo giáo lí. Do đó có khá nhiều người được khai mở đã bỏ cuộc, vì họ không thể chấp nhận sự việc có thể giản dị nhận được ân huệ của Thượng Đế trong latihan. Cũng có những kẻ lấy làm sợ hãi, vì họ nghĩ là Bapak có pháp thuật lấy đi nội ngã của ai đó, để thay thế vào đó một cái khác.

Theo một vài hội viên của giai đoạn đầu, năm 1934 là năm có phần nhiều những vụ khai mở ban đầu, và mọi người đều đồng ý là trong năm 1934 Pak Wignyosupartono đã được Bapak phái tới Yogyakarta để khai mở cho những người muốn nghiệm được latihan. Bapak phái phụ tá tới những thành phố khác nhau, để tạo cơ hội cho latihan được bành trướng. Ở Yogyakarta Bapak được mời phái ai đó đi để khai mở cho những người ở đó. Ở những nơi khác thì hình như chỉ dựa vào hên xui; Pak Sumantri đã được phái tới Pekalongan, nhưng chẳng có nhóm nào được lập nên ở đó; Pak Wignyosupartono được phái tới Salatiga là nơi cũng chẳng có gì; nhưng năm 1935 Pak Semantri được phái tới Wates là nơi có một nhóm khoảng 20 hội viên gồm những người đã được khai mở ở Yogyakarta. Pak Slamet lập nên một nhóm ở Semarang, và Pak Dharmowarsito một nhóm ở Malang trong năm 1953.

Về giai đoạn đầu của Subud ở Yogyakarta, chúng ta được biết điều sau đây.

Pak Prawirodisastro là đệ tử nhiệt thành của một tôn sư nọ, nhưng lại không hoàn toàn được mãn nguyện. Nghe nói tới Bapak ở Semarang và đường lối tu tập của latihan, ông bảo em mình là Pak Hardjojuwono đến đó để tìm hiểu rõ hơn. Pak Hardjojuwono đến Kalisari và được khai mở cùng với một người khác là Pak Pringgowasir. Cả hai đều trở về Yogyakarta và tập latihan chung. Pak Prawirodisastro và Pak Djojomartono đến gặp họ để nghe nói về Subud. Một vài tuần sau có thêm nhiều người nữa đến tham dự.

Bapak liền được yêu cầu là nên đến Yogyakarta để khai mở cho Pak Prawirodisastro và những người muốn biết về Subud. Bapak cảm thấy là mình không thể đi được, nhưng chấp nhận là sẽ phái một người khác tới đó, với điều kiện là có tối thiểu 20 người muốn tập latihan. Khi quả thực có số người đó, Bapak bổ nhiệm Pak Wignyosupartono làm người phụ tá đầu tiên, và giao cho ông trách nhiệm về sự bành trướng của Subud ở Yogyakarta.

Ngay khi đến Yogyakarta Pak Wignyosupartono được tiếp đón nồng nhiệt, và mọi người đặt hết câu hỏi này tới câu hỏi khác về latihan. Ngày hôm sau tất cả đều được khai mở. Những người mới được khai mở cảm thấy lối tu tập này rất kì quái, vì không có giáo lí và lễ nghi. Ta có thể tiếp nhận được latihan, khi đứng hay ngồi, khi hướng về phía này hay phía nọ; điều đòi hỏi duy nhất chỉ là hoàn toàn phó thác cho quyền năng của Thượng Đế.

Họ gặp nhau thường xuyên để tập latihan chung, và tất nhiên là ‘dưới sự giám sát của Pak Wignyosupartono’. Latihan của họ thật mãnh liệt, và có người đã bị đánh đá và chửi bới. Điều đó tuy đôi khi đã xảy ra, nhưng chẳng có gì đáng ngại. Tất nhiên là mọi người đều đáp ứng tùy theo sự tiếp nhận của mình, nhưng có điều kì lạ này là mọi người đều thấy thoải mái, và cũng chẳng có ai đã bị đã thương trầm trọng.

Luôn luôn có những người muốn thử lối tu tập của Subud, và họ thường được yêu cầu phải cam kết những điều này nếu được khai mở: bạn có chịu bị điên khùng (điều muốn nói là bị thanh lọc mãnh liệt mà sau này được gọi là khủng hoảng) và ngay cả phải chết? Bạn có thể trải qua nhiều thay đổi và bạn chịu nhận thấy quan hệ của mình với vợ mình bị thay đổi mà hậu quả có thể là li dị? Bạn chịu cho chúng tôi chiếc xe đạp (hồi đó là một món đồ rất quý) của mình? Nếu người muốn tập latihan chấp nhận những điều đó có thể xảy ra, thì đương sự được khai mở. Hồi đó chưa có thời kì dự bị.²

2 Theo Pak Poedjosoemarto lối tu của latihan hồi đó được gọi là *Ilmu Kasunyatan*. *Ilmu* nghĩa là những hiểu biết huyền bí về tâm linh và *Kasunyatan* nghĩa là hư không; liên hệ tới hiểu biết huyền bí về tâm linh nó có nghĩa là cái gì có thật và cao quý.’

Có một người được khai mở hội đó là một thầy giáo tên là Sudarto. Năm 1934 ông chỉ được 19 tuổi, và lấy làm lạ vì những tiếng động mà mình nghe thấy từ nơi nhà người hàng xóm là Pak Wignyosupartono. Nhìn thiên hạ nhảy múa, ông thấy vui vui và cũng muốn làm theo; nên ông hỏi Pak Wignyosupartono là mình có thể làm như vậy không. Pak Wignyosupartono nói là được, khi Sudarto đến 20 tuổi; nên Sudarto phải đợi vài tháng trước khi được khai mở. Mấy năm sau, Pak Sudarto được Bapak nhiều lần phái tới những nhóm Subud cần được hỗ trợ, và ông cũng là một thành viên thuộc Văn Phòng Thư Kí của Bapak.

Bốn tuần sau khi Pak Sudarto được khai mở thì tới phiên một hội viên Subud khác được nhiều người biết tới, đó là một thanh niên tên là Djojodipura. Djojodipura vừa bị té ngựa, và được ông chú mình là Pak Sumantri dẫn vào tập latihan. Sau này ông kết hôn với Ibu Rochanawati, và sau khi bà qua đời, ông kết hôn với Ibu Rahayu và trở thành con rể của Bapak.

Pak Sudarto theo tập latihan với nhóm của Pak Wignyosupartono, nhưng chẳng bao lâu sau đó ông nhận thấy hình như Pak Wignyosupartono không có khả năng giải đáp thỏa đáng những thắc mắc của mình về latihan. Tất nhiên là ông đã nghe nói tới Bapak; nên lúc nghỉ hè ông đến gặp Bapak ở Semarang. Ông hỏi Bapak rằng tại sao Pak Wignyosupartono không thể trợ giúp mình. Về điều đó Bapak nói rằng Sudarto đã cố tất cả các phụ tá trong lòng mình. Sau đó, Pak Sudarto hoặc tự tiếp nhận lấy, hoặc trở lại gặp Bapak để hỏi ý kiến. Pak Sudarto có nhiều chứng nghiệm lạ lùng mà Bapak thường khuyến khích ông thuật lại³, nhất là những điều được Bapak giải thích.

Hội đó còn xảy ra một điều mà nghe nói nhiều tới ở Nam Dương, đó là một chuyện về một hội viên tên là Pak Harjopawiro, một người gác phanh xe lửa. Khi đi vào trạm Tungu, Pak Harjopawiro chợt trông thấy một đầu máy xe bắt đầu bị trật đường ray. Ông vội chạy tới và cố thể cứu vãn tình thế, chỉ bằng cách dùng bàn tay mình đẩy chiếc xe vào đường ray trở lại. Một lần khác, trong lúc ông đang thi hành phận sự nơi đường ray, thì chợt một chuyên xe xuất hiện với một tốc độ có thể gây nguy hại. Không chút suy nghĩ,

3 Cuốn *The experiences of Mas Sudarto* gồm những chứng nghiệm của ông đã được dịch ra tiếng Việt.

Pak Harjopawiro liến giơ tay ra và nói bằng tiếng Java ‘Ngung!’ Điều ngoài sức tưởng tượng là xe quả thực ngưng lại mà không ai bị thương tổn. Nhiều người còn nói rằng xe chỉ bắt đầu chuyển động trở lại, khi ông hạ bàn tay xuống.

Những điều phi thường xảy ra do kết quả của lối tu tập Subud làm cho việc tập latihan gần người bệnh để họ mạnh khỏe trở lại, là điều không có gì khiến ngạc nhiên. Những người tập latihan hồi đó quả thực đã có thể chữa bệnh bằng cách đó, và việc này là điểm đặc biệt trong nhiều năm về những hoạt động tâm linh của họ.

Lúc ban đầu của Subud, Pak Wignyosupartono chia những người nam tập latihan thành hai nhóm là *kasepuhan* (nghĩa là nhóm già) gồm những hội viên có jiwa già, và *kaneman* (nghĩa là nhóm trẻ) gồm những hội viên có jiwa trẻ. Ông đã chia ra như vậy có lẽ là để cho những người trẻ tập trước, tiếp theo là những người già. Cũng có những người nữ tập latihan, và theo những gì Pak Djojomartono nhớ lại, thì ‘họ được khai mở và tập latihan chung với những người nam đã có khả năng tiếp nhận được.’ Ông cho biết tiếp: ‘Hồi đó chúng tôi thực sự chưa hay được những hành động của mình sẽ có kết quả gì.’

Khi số hội viên được khoảng 50 người, việc tập latihan được chia thành nhiều nhóm, và ở Yogyakarta có hai phụ tá. Năm 1935 vì thành phố Wates nằm trong khu vực của Yogyakarta, nên Bapak phái Pak Semantri Hartmowidjojo tới làm phụ tá. Hồi đó bản thân Bapak ở Bogor. Tuy đã có hội viên tập latihan, nhưng vẫn chưa có tổ chức. Theo Pak Djojomartono, nội dung của latihan từ trước tới nay vẫn là cái *hakekat*, nhưng sự khác biệt giữa latihan hồi đó và hiện nay là latihan của nhóm trẻ được quân chúng coi là một loại võ thuật có nội công, và nhóm già là những người đạt được nội công thâm hậu hơn. Người ngoài đến thách đấu, và thường xảy ra những cuộc tỉ thí võ thuật.

Dưới đây là những gì Pak Poedjosomoemarto thuật lại trong năm 1983 về những cuộc tỉ thí võ thuật hồi đó:

“Khoảng năm 1925 Yogyakarta và những vùng lân cận có nhiều người già và trẻ say mê nghiên cứu những phong trào tâm linh huyền bí. Phân đông đến học võ của những ông thầy dạy võ dùng tay không hay vũ khí. Có một môn đáng chú ý được gọi là pencak,

với thoi miên và nội công. Khắp nơi đều mọc lên những nhóm pencak dùng những thứ đó. Thế nên hồi đó thường xảy ra những trận đấu giữa những môn sinh của các nhóm, và sau cùng là giữa võ sư với võ sư. Điều đó xảy ra mọi nơi, không lúc nào không có, và rút cuộc trở thành chuyện thông thường.

Ilmu Kasunyatan (tên gọi của Subud hồi đó) xuất hiện trong lúc các nhóm nghiên cứu tâm linh huyền bí đang cực thịnh và tranh tài cùng nhau.

Vì lẽ đó chúng tôi không thể đứng ngoài cuộc được. Ngày và đêm, không lúc nào mà không có, những môn đồ của các nhóm đến gặp và thách thức chúng tôi, để chúng tỏ họ tài giỏi hơn chúng tôi. Thực vậy, vì hoàn cảnh ép buộc, nên chúng tôi chịu tranh tài. Điều đó xảy ra trong một thời kì gồm nhiều tháng, hay có khi cả năm, khiến cho cuối cùng chúng tôi thấy chán ngán và mệt mỏi. Rút cuộc chúng tôi tổ chức một buổi họp, đồng lòng dương oai và thách thức các nhóm. Chính quyền cho phép chúng tôi làm như vậy, và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những chuyện đáng tiếc có thể xảy ra....”

Cuộc tỉ thí xảy ra một cách khá trang trọng, với sự tham dự của một *Bupati* là một nhân vật quan trọng nắm chức vụ quận trưởng. Hầu hết những kẻ được mời đều đến, và nơi chôn tỉ thí tràn đầy những người muốn xem. Vẫn theo Pak Poedjosoemarto thì:

“Chúng tôi hùng hổ bước lên võ đài, và từng người một, chúng tôi biểu diễn tài nghệ mình với côn và đao. Sau đó, anh Soekino Hartono (người cầm đầu nhóm *Ilmu Kasunyatan*) thách đấu tất cả những người đang có mặt. Nhưng không ai bước ra. Nơi chôn tỉ thí trở nên yên lặng. Chúng tôi đợi chờ thật lâu, nhưng tất cả vẫn lặng yên. Nên anh Soekino Hartono lớn tiếng tuyên bố: ‘Cuộc tỉ thí này sẽ kết thúc. Nếu quý vị không phản đối, thì chúng ta từ nay hãy coi nhau là anh em, thay vì là kẻ thù. Không những thế, chắc chắn chính quyền sẽ thích thà như vậy còn hơn, và sẽ bảo đảm cho chúng ta được an ninh.’”

Cả báo chí cũng được mời tới tham dự. Pak Poedjosoemarto còn cho biết thêm một vài chi tiết khá li kì:

“Sau khi mọi người đã có mặt, người chủ tọa thuộc phe chúng

tôi, anh Sukinohartono, bước lên võ đài và thốt ra những lời khiến lo ngại: ‘Cuộc tỉ thí này đã được chính quyền cho phép. Trong lúc đấu võ, nếu ai bị thương hay bị giết chết, thì đó là trách nhiệm của mình, nhưng điều đó sẽ không xảy ra, nếu đó không là Ý Thượng Đế.’ Rồi từng người một, chúng tôi bước lên võ đài để biểu diễn (theo sự tiếp nhận của mình) *Pencak, Silat, Toyak, Belati* vv... Nhưng không ai thuộc các phái khác dám bước lên để tranh tài với chúng tôi.

Rồi các anh em chúng tôi biểu diễn latihan và giải thích đó không là điều do việc điều khiển được nội công, mà thực sự là một ân huệ của Thượng Đế, và điều này có được là do jiwa đã thức tỉnh, sau khi tâm trí được yên tĩnh và sau khi anh em chúng tôi quy thuận quyền năng của Thượng Đế một cách kiên nhẫn, tin cậy và thành tâm quy phục. Chúng tôi cho thấy rõ mục tiêu của latihan là sự hoàn thiện của nội ngã cùng với, một thân thể mạnh khỏe, và đó là sự hướng dẫn trực tiếp của Thượng Đế.

Sau đó anh Sukinohartono lại lên võ đài một lần nữa, để cho khán giả hay vì không có ai thuộc các phái có ý định tranh tài với những người đã biểu diễn, nên mục đích cuộc tỉ thí này coi như đã không đạt được. Điều này chỉ có thể xảy ra do Ý Thượng Đế, như vậy có ý nghĩa là nên có hòa bình và chúng ta nên đoàn kết và hòa thuận. Mọi người đều lớn tiếng vỗ tay.

Khán giả hiểu được rằng latihan của chúng tôi không phát động do việc điều khiển được nội công hay điều gì như vậy, và cũng không là một phương pháp để đối phó với kẻ thù, mà đúng ra là một sự tiếp nhận ở quyền năng của Thượng Đế. Sau khi nhận thức được điều đó, nhiều kẻ trước đây đã chê bai liên gia nhập hội của chúng tôi.”

Tất nhiên là chính quyền thực dân Hà Lan phải nghi ngờ đây một phong trào quốc gia có tính chất phản động, và họ đã phái tới hai kẻ mật báo để dò xét. Những người này tất nhiên đã yêu cầu được khai mở, nhưng sau khi nghiệm được latihan, họ lại trở thành hội viên thực thụ, và thú nhận mình làm tay sai cho chính quyền mà chẳng thấy bằng cứ nào về những hoạt động bị cấm đoán.

Ở Yogyakarta việc tập latihan có tiên bộ, nhưng ở Semarang thì lại khác hẳn. Năm 1934 Bapak trông nom những người tập latihan,

và giúp đỡ những người đến gặp mình từ những nơi khác. Hội đó vẫn chưa có nhiều hội viên, và Bapak thường ngồi và hát, trong khi hội viên quy thuận quyền năng của Thượng Đê. Đó là những bài hát có tính chất tường thuật như trong Susila Budhi Dharma, và hội viên thường nhảy múa, trong khi Bapak hát.

Đó cũng là lúc Bapak đang viết một cuốn sách tựa đề là *Djatimakna* ('Những Sự Việc có Thật'). Về cuốn sách này, người ta chỉ được nghe nói tới qua một đoạn được Husein Rofe dịch lại trong một bức thư của Bapak.

‘Bây giờ nói trở lại Sunohartono ⁴...những bình luận của ông về Bảy Tầng Trời và những điều như vậy chỉ có thể lấy hoặc trong những câu chuyện về Wali Songo (Chín Vị Thánh), hoặc trong cuốn sách do chính tôi viết trong năm 1934 mang tên là *Djatimakna*. Tất cả những gì liên quan tới vấn đề tâm linh có thể tìm thấy trong cuốn sách đó.

Tất nhiên là bạn chưa từng trông thấy sách, vì đó chỉ là bản thảo được những người cần tới chép lại...

Latihan hồi đó mạnh tới nỗi khiến cho những điều kì dị xảy ra chung quanh Bapak là chuyện thường. Chẳng hạn như chuyện Pak Sudarto đến thăm Bapak từ Yogyakarta. Có lần ông có mặt ở đó là lúc Nữ Hoàng Nam Hải đến thăm Bapak. Bà là nữ hoàng của thế giới ma quỷ và là nhân vật được nhắc đến rất nhiều trong thần thoại của các vương triều ở Surakarta và Yogyakarta. Pak Sudarto thấy lúng túng vì sự hiện diện của bà, mặc dù Bapak không tỏ vẻ chút nào bối rối. Một lần khác, Pak Sudarto lại đến thăm Bapak, nhưng lần này thì Bapak cố ý kêu gọi Nữ Hoàng đến để thử thách ông. Pak Sudarto đứng yên, không tỏ vẻ xúc động, và Nữ Hoàng Nam Hải đến hôn bàn chân ông. Sau vụ đó Pak Sudarto không còn bị xao xuyến vì pháp thuật nữa. Có những kẻ đạt được pháp thuật đã vào Subud để tìm hiểu cái khía cạnh huyền bí của latihan, nhưng kết quả là họ chỉ cảm thấy khó chịu đến nỗi phải bỏ Subud.

Tất nhiên là Bapak không có công ăn việc làm, và không làm gì khác hơn ngoài việc trông nom những người theo tập latihan.

4 Là một người đã theo tập latihan trong lúc đầu, nhưng về sau tự lập nên một phái tên là Perpero

Bapak chỉ có thể dựa vào những gì người ta tặng mình, và có thể là ngay cả vào lợi tức của người ở trọ nơi nhà mình là Pak Sumantri. Bapak tìm cách bán căn nhà của mình đi, nhưng cứ mỗi lần sắp bán được thì lại chẳng đi tới đâu hết.

Đầu năm 1934 Bapak cùng vợ con ở Pamotan gần Rembang trong một khoảng thời gian, để được gần cận bên gia đình vợ. Kế đến họ trở về Semarang, và tháng 7 năm đó có một cái trát của tòa án cho phép viên chức luật pháp lấy đồ đạc trong nhà Bapak để trả nợ. Người ta không hiểu tại sao lại có khoản nợ đó, nhưng có lẽ Bapak đã mượn tiền trong lúc còn có công ăn việc làm là lúc việc trả nợ không thành vấn đề. Nhưng lúc này thì Bapak không có tiền.

Không đầy một tháng sau khi viên chức pháp luật đến, đưa con trai chỉ được 16 tháng của Bapak là Suharyo qua đời vào ngày 2 tháng 8 năm 1934. Tháng 10 theo trát của tòa những đồ đạc bị tịch thu của Bapak phải đem bán, vì không có tiền chuộc lại. Đọc bài nói chuyện của Bapak ngày 11 tháng 5 năm 1969, ta nhận thấy tình cảnh khó khăn của người hồi đó.

“Sau khi quyền năng của Thượng Đế đã đem Bapak vào lĩnh vực của latihan kedjiwaan, điều cần làm với Bapak là phải bỏ hết công ăn việc làm.

Bapak tuân hành mệnh lệnh đó, mặc dù điều đó đối với mình thật khó khăn, nhưng Bapak phải bỏ hết tất cả những công ăn việc làm của mình, vì đã nhận được sự hiểu biết về những gì sẽ xảy ra. Bapak cảm thấy khá chán nản, vì mình không còn làm việc và có tiền nữa, ngay cả không có một đồng xu, nhất là khi mình đi ra ngoài mà trông thấy những thứ mình có thể mua cho nhu cầu của gia đình. Nói tóm lại là Bapak đã trải qua nhiều thử thách trong cuộc đời mình hồi đó, nhưng nhờ ơn Thượng Đế, Bapak cảm thấy tất cả những điều đó là không quan trọng.”

Tình cảnh đó Bapak đã phải chịu đựng khoảng 12 năm, và chỉ nhờ ân huệ của Thượng Đế mà người cùng vợ con đã có thể sống một cách trung bình trong suốt thời gian đó.

Bapak thì dư sức chịu đựng được, nhưng vợ mình thì không được như vậy. Đứa con vừa qua đời và những thiếu thốn cực khổ đã khiến bà bị xuống tinh thần trầm trọng. Thế nên, Bapak quyết định

đem bà về Bogor là nơi có một người chị của bà ở, và trong thời gian 18 tháng Bapak lặn lội ở với gia đình 3 tháng tại Bogor và 3 tháng tại Semarang, để trông coi hội viên Subud.

Trong *Tự Truyện* của mình Bapak nhắc lại việc vợ chồng mình đã khai mở cho vợ chồng Muntahir, và đây là trường hợp duy nhất mà người ta được biết về việc Ibu Roemindah đã khai mở cho một người khác. Việc vợ chồng Muntahir được khai mở là điều đáng chú ý, vì đó là trường hợp đầu tiên người ta được nghe nói tới khả năng trị bệnh của latihan, và những trường hợp tương tự cũng đã xảy ra ở Yogyakarta, nhưng không có sự tham dự của Bapak.

Khi Bapak và Ibu Roemindah đến Bogo, Pak Muntahir đang bị bệnh phổi rất nặng, và ông liền được khai mở. Ông được thanh lọc mạnh tới nỗi trong khoảng 2 tháng ông không làm chủ được bản thân mình như người bình thường, và người ta tưởng ông điên. Tuy nhiên, tình trạng đó không kéo dài bao lâu, khiến mọi người bớt lo lắng, mặc dù độ một vài tháng sau vợ ông cũng bị y như vậy. Trong thời gian đó bệnh tình ông bớt hẳn, và cuối cùng là căn bệnh phổi của ông hoàn toàn được chữa khỏi. Những đồng nghiệp của ông liền chú ý tới latihan, và nhiều người xin được khai mở.

Tuy Bapak đã khai mở cho nhiều người, nhưng đó chưa là lúc Subud có thể phát triển ở Bogor, vì nói chung thì thiên hạ không thực tình gắn bó với latihan. Sau 18 tháng ở Bogor Bapak và gia đình trở về Semarang, và trong khoảng thời gian đó Ibu Roemindah sinh ra một đứa bé khác là Siti Hardiyati, vào ngày 5 tháng 7 năm 1935.

Năm 1936 họ trở về Kalisari, và Bapak thấy việc phải bán được căn nhà mình là điều cấp bách. Bapak muốn đến Wonosobo ở để đi làm việc canh nông, vì người cảm thấy công việc đó sẽ cho mình có thời giờ trông nom những người theo tập latihan. Bapak hiển nhiên đã rất lo lắng về tình trạng của Ibu Roemindah, vì bà thường bị xuống tinh thần, và điều này đã tác hại tới sức khỏe bà. Bapak đem nhà mình ra bán, việc làm này có nghĩa là nhờ một kẻ môi giới đi kiếm người mua, và nếu được việc thì phải trả cho kẻ đó một số tiền nào đó.

Nhưng dù kẻ môi giới là ai đi nữa thì việc đó cũng chẳng đi tới đâu hết, và cuối cùng Bapak nghe nói có một người tên là Sayyid

Hassan Idrus muốn mua căn nhà mình, và người đó sắp tới coi nhà. Một *Sayyid* là con cháu trực hệ của Ngôn Sứ Muhammed, và kẻ đến gặp Bapak có tiếng là một người đã đạt được nhiều phép thần thông. Bapak lấy làm vui mừng là có một nhân vật quan trọng đến xem nhà mình, và người cùng vợ con đã phải dọn dẹp lại cho ngăn nắp, để tạo một ấn tượng tốt đẹp cho người mua.

Vị *Sayyid* đó đến, Bapak chào đón ông và họ ngồi nói chuyện một cách thông thường. Khi Bapak sắp đề cập tới giá cả căn nhà, vị *Sayyid* đó nhìn chòng chọc Bapak mà chẳng nói gì hết. Cuộc trò chuyện giữa họ có thể xảy ra như sau:

“Tại sao ông lại nhìn tôi như vậy?”

“Thực ra, tôi đến đây là có ý định mua căn nhà ông, nhưng xin ông thứ lỗi cho, tôi thấy làm như vậy là không đúng. Tôi thấy trên khuôn mặt ông dấu vết về việc ông là hậu duệ của Ngôn Sứ Muhammed, có thể đối với tôi ông thuộc hàng trưởng. Có ánh sáng bao quanh ông -ánh sáng của Muhammed (*Nur Muhammed*), và ông quả thực là người cao quý. Hiện nay ông đang bị ảnh hưởng của ước muốn có tiền, khiến mình có thể đi khỏi nơi chốn này. Thực ra, đây là một nơi chốn không nên đem bán. Sự thật thì ông không phải lo lắng gì. Cuối cùng ông sẽ có thể làm được những gì mình muốn, hay những gì thích hợp với mình. Chúc ông thực hiện được những gì Thượng Đế mong đợi ở ông.”

Căn nhà ở Bergota Kalisari chưa từng được bán, và nó là sở hữu của Bapak cho tới cuối đời mình.

Năm 1936 Ibu Roemindah bị đau ốm. Nhà không có nhiều tiền, và họ chưa lúc nào biết được mình sẽ còn được tiếp tế hay không. Căn nhà không bán được, và con cái thì đã lớn; Ibu Rahayu được khoảng 7 tuổi và tới lúc phải đi học. Tuy phải sống chật vật, nhưng họ luôn có đủ những thứ để sinh sống.

Ibu Roemindah không được như Bapak là có sức chịu đựng phi thường. Mới chỉ được 25 tuổi mà bà đã là người mẹ của 3 đứa bé và một đứa trẻ sơ sinh; tình trạng căng thẳng mà bà phải trải qua từ suốt năm 1933 tới 1936, đã vượt quá sức chịu đựng của bà. Khi bà đau ốm, song thân bà đem bà tới ở với họ tại Pamotan, và Bapak đi theo họ. Chẳng bao lâu đó Ibu Roemindah qua đời tại Pamotan

, được mai táng tại đó, và Bapak trở về Semarang.

Tháng 6 năm 1936 ở Semarang, Bapak có lẽ đã viết xong và cho xuất bản phần đầu của tập sách *Serat Djati-Makna*. Văn phong của *Serat Djati-Makna* tựa tựa như của truyện *Sinar Prihadi* (“Ánh Sáng của Nội Ngã”) được đăng trong tạp chí *Pewarta*. Đầu thập niên 80 khi một bản của *Serat Djati-Makna* được tìm thấy trong một tiệm bán sách cũ ở Jakarta, người ta đã xúc động đem đến cho Bapak coi, và hỏi người là có nên dịch nó từ tiếng Java qua tiếng Nam Dương và tiếng Anh hay không. Nhưng Bapak hầu như không mấy hứng thú như mọi người, mà chỉ nhìn thoáng qua và nói: ‘Ừ, đây là một cuốn sách cũ. Không được! Không được! Đừng dịch nó ra. Mọi điều đã có trong *Susila Budhi Dharma*, mà còn hay hơn nữa.’

Trong khi còn ở Semarang, Bapak viết một cuốn sách khác tựa đề là *Serat Urab Urab Trikanda*, nghĩa là ‘Ca Tập Trikanda’. *Trikanda* nghĩa là 3 phần khuyên răn, và ‘thi ca’ ở đây thì có nghĩa là một sáng tác tương tự *Susila Budhi Dharma*. Nói cách khác, *Trikanda* được tiếp nhận và viết theo thể thơ cổ điển của Java. Toàn bộ tác phẩm ban đầu có lẽ đã được phổ biến giữa những hội viên đầu tiên của Subud. Có tất cả là hai tập sách nhỏ, và Bapak nói rằng tập thứ nhất được đánh máy bằng mẫu tự La Tinh, và tập thứ hai thì được chép tay bằng mẫu tự Java. Tập thứ nhất đã bị thất lạc, có lẽ đã bị hủy diệt ngay sau thế chiến thứ hai, khi có một kẻ lạ mặt đến nhà Bapak ở. Hình như Bapak có nói rằng Thượng Đế đã cho phép nó bị hủy diệt, vì nó quá cao đối với những ai muốn đọc. Bapak cảm thấy *Susila Budhi Dharma* thích hợp với hội viên Subud hơn, vì mọi người có thể hiểu được.

Khoảng cuối thập niên 30, Bapak bắt đầu đi thăm hội viên tại những nơi khác ngoài Java, theo lời mời của họ. Trong khi đó thì Subud không phát triển được nhiều ở Semarang, vì không hấp dẫn được những kẻ tìm đạo. Khi nói về thời kì này, Bapak cho hay lúc đó hình như chưa là lúc thuận tiện cho Subud ở Semarang, vì tất cả đều tùy thuộc ở quyền năng của Thượng Đế là điều quyết định cho Subud được phát triển lúc nào và nơi nào.

Bapak luôn lấy làm ngạc nhiên về việc thiên hạ vào Subud, về những đưa đẩy của định mệnh khiến họ được tiếp xúc với latihan, và người cũng để ý tới việc ai còn tập latihan, ai đã bỏ tập. Có lẽ

chính vì vậy mà mặc dù tuổi tác đã cao, người vẫn còn nhớ được tên tuổi của những hội viên đầu tiên, như thể họ đã được khai mở chỉ cách đây vài tuần. Chẳng hạn, trong *Tự Truyện*, người đã nhắc tới việc ở Solo vào khoảng năm 1937 mình đã khai mở cho Ismangun và Radden Singgih là ‘một nhân viên của Tiệm Carl Schliper Nickel.’ Lúc đó còn có một người khác được khai mở là một đệ tử của Kyai Abdurachman. Nhân vật này đã yêu cầu Bapak đến Surabaya để khai mở cho mình, vì nhận thấy chỉ bằng cách tiếp nhận latihan mà mình mới có thể hiểu được chỗ thâm sâu trong giáo lí của sư phụ mình. Nhiều năm sau, đó cũng chính là điều mà các đệ tử của lỗi tu Gurdjieff nhận thấy, khi họ được khai mở cuối thập niên 50 ở Tây phương. Khi Bapak tới Surabaya trong năm 1937, hình như có khá nhiều người muốn tiếp nhận latihan.

Rồi Bapak đến thăm Yogyakarta. Người ta không hiểu được đích xác tại sao hồi đó Bapak đến thăm nhóm Yogyakarta, nhưng có thể người tới đó để khai mở cho 3 hội viên dự bị thuộc giới quý tộc. Bapak nói là mình ở đó không lâu, trước khi trở về Semarang.

Các nhóm không chỉ mời Bapak đến thăm mình, mà còn rán giữ quan hệ với Bapak, bằng cách đều đặn đến thăm người ở Semarang. Năm 1937 latihan được tập ở Yogyakarta tại những nơi là Badran, Judonegaran và Gunungketur. Năm 1938 nhóm Badran muốn liên hệ chặt chẽ hơn với Bapak, nên mỗi tháng có hai người được phái tới Semarang để tập latihan ở đó, và có lẽ cũng để nhờ Bapak giải đáp những thắc mắc của nhóm, hoặc nghe những điều người khuyên bảo. Khi họ trở về Badran, tất cả những điều đó sẽ được lặp lại cho nhóm nghe, và như vậy hội viên cảm thấy được gần cận những gì xảy ra chung quanh Bapak.

Trong khi đó thì nhóm Yogyakarta bắt đầu chia thành 3 phe phái, trong đó có một phe trung thành với latihan và hai phe dung hợp latihan với những lỗi tu tập khác. Tình trạng này còn tiếp diễn trong suốt thế chiến, và chúng ta sẽ còn nghe nói tới họ, khi Bapak đến đó ở . Tình trạng phe phái này chưa hẳn là một sự tuyệt giao với latihan. Chẳng hạn như Pak Wignyo Supartono và những kẻ theo ông, họ vẫn tập latihan nhưng dần dần dung hợp latihan với giáo lí của Kyai Abdurachman. Nhóm của ông được khoảng 40 người, và thường có một vài người đến tập latihan với những nhóm khác.

Các nhóm Yogyakarta vẫn tiếp tục tăng trưởng, mặc dù có sự

dung hợp latihan với những lối tu tập khác. Nhưng ở Semarang thì không có thêm hội viên, và hình như mọi người vẫn còn đến nhà Bapak để tập latihan. Năm 1968 khi được hỏi là có còn nhớ gì hay không về thời thơ ấu của mình, Haryono, ông con trai trưởng của Bapak, đã thuật lại những điều cho thấy Bapak là một người cha và hoàn cảnh gia đình của người trong thập niên 30.

“Tôi còn nhớ là khi mình còn trong trường mẫu giáo, chúng tôi đến một chỗ khác ở, đến Bogo. Chúng tôi (những người con) không hiểu tại sao phải đi chỗ khác ở, nhưng sau này tôi hiểu được là chúng tôi sẽ ở đó một năm. Chính tôi cũng không cảm thấy có gì thay đổi trong đời mình. Tôi chỉ còn nhớ lại là mình thường có nhiều đồ chơi - một chiếc xe là đồ chơi, một con ngựa gỗ, một bộ Meccano- và đột nhiên tình trạng này không còn nữa, và tôi không nhận được những đồ chơi mới. Chỉ sau này tôi mới hiểu được là Bapak đã bỏ công ăn việc làm, và nhà không có tiền nữa.

Nhưng Bapak thường chu đáo chăm sóc chúng tôi là con cái. Bapak thường chơi chung với chúng tôi; thay vì mua đồ cho chúng tôi, Bapak thường làm đồ chơi cho chúng tôi...

Khi tôi chơi với em mình là Haryadi, Bapak thường chơi chung. Chúng tôi phần nhiều thường chơi trong nhà và trong vườn, không ra ngoài quá xa. Tôi còn nhớ là khi đi học, chúng tôi phải kiếm một người làm giám hộ, vì hồi đó chúng tôi vẫn còn là thuộc địa của Hà Lan, và chỉ những con cái thuộc một tầng lớp nào đó mới được đi học. Bapak đã bỏ công ăn việc làm, và thông thường chúng tôi không có khả năng vào được một trường học tốt. Thế nên, chúng tôi đã phải có một giám hộ là một ông chú của Bapak, vì ông vẫn còn làm việc cho chính quyền. Điều này tiếp diễn cho tới khi người Nhật đến trong lúc thế chiến thứ hai.

Ở nhà mỗi tối chúng tôi thường ngồi chung quanh Bapak, và Bapak thì ngồi đằng sau chiếc gambang (nhạc cụ). Người chơi gambang và kể chuyện, và chỉ sau này chúng tôi mới hiểu được có vài câu chuyện là điều dự báo về những sự cố sắp xảy ra. Những chuyện đó sau này trở thành sự thật trong đời sống chúng tôi. Một câu chuyện kể việc một gia đình nợ đã phải đau khổ nhiều như thế nào, vì tất cả các thân nhân đã xa lánh mình, việc gia đình đó đã phải tự lực cánh sinh như thế nào, vì đi theo một đường lối nợ mà các thân nhân không chấp nhận. Kết cuộc là gia đình đó càng lúc

càng được vững mạnh, vì con đường được theo là con đường thích đáng. Rồi sau đó, khi thấy được cái đó là đúng, các thân nhân nổi lại tinh thân thuộc. Họ không chỉ nổi lại tinh thân thuộc, mà còn xin được giúp đỡ. Câu chuyện do Bapak kể trở thành sự thật với chúng tôi. Chúng tôi đã phải tự lực cánh sinh, và chỉ mãi về sau chúng tôi mới thấy các thân nhân nổi lại tinh thân thuộc, như trong chuyện. Khi nghe câu chuyện đó, chúng tôi chỉ coi đó là điều thông thường, vì những chuyện của Java và Nam Dương luôn có hậu. Chỉ sau này chúng tôi mới hiểu được rằng đó là sự cảnh báo, để chúng tôi có sức chịu đựng.

Trong lúc chúng tôi còn ở Semarang, có lẽ vào lúc tôi được 10 hay 11 tuổi, ngoài việc kể chuyện, Bapak còn bảo chúng tôi tịnh tâm để có thể cảm nhận, khi Bapak chơi gambang. Đôi khi Bapak bảo chúng tôi đứng, để rán cảm nhận được động tác. Tôi và em trai mình thường cùng đứng, không phải là làm latihan hay nhắm mắt lại, và Bapak thường hỏi: ‘Cảm nhận ngón tay coi sao’ hay ‘Cảm nhận cánh tay’, và chúng tôi cảm thấy có động tác, đó là một động tác khi do chính Bapak hỏi.

Ngay cả trước khi có việc đó, chúng tôi cũng cảm thấy có động tác. Tôi còn nhớ là khi được 6 hay 7 tuổi, lúc vẫn còn học trường mẫu giáo, cô giáo thường bảo chúng tôi xòe tay ra đặt trên bàn và tịnh tâm, trước khi cô giảng bài. Nhưng ngay khi tôi làm như vậy, chân mình liên tục cử động; tôi nhìn những đứa bé khác mà chẳng thấy có gì xảy ra. Tôi thấy ngượng. Tôi lo sợ mình không được bình thường. Chỉ sau này, sau nhiều tháng, tôi mới hỏi Bapak, và Bapak chỉ cười. Không giải thích gì hết, Bapak chỉ nói: ‘Không sao hết. Đừng lo nghĩ.’ Nên tôi không chút lo nghĩ. Như thế đó chúng tôi bắt đầu cảm được động tác. Sau khi tôi được 11 hay 12 tuổi, Bapak thường bảo chúng tôi rán cảm nhận, khi Bapak chơi gambang. Và chúng tôi thường thấy những cảm xúc khác nhau. Đôi khi chúng tôi thấy vui, đôi khi thấy thật buồn, đôi khi chỉ nghe những gì Bapak làm trên gambang mà chúng tôi muốn khóc. Người hỏi chúng tôi cảm thấy gì, và chúng tôi nói lạ phần thứ nhất thấy rất buồn, phần thứ nhì thì muốn khóc, và phần cuối thì chỉ thấy thật vui. Bapak không giải thích gì hết, người chỉ mỉm cười và kể một câu chuyện khác.”

Khi được hỏi Bapak có là một người cha nghiêm khắc không, Haryono đáp:

“Không. Người có lúc khiên trách chúng tôi, nhưng điều này thì thường ít khi xảy ra, vì tôi còn nhớ được lúc Bapak đánh mình với một tờ báo. Tôi cảm thấy Bapak rất tức giận và điều mình làm không đúng. Có lúc Bapak đánh tôi vào đít. Tôi còn nhớ lúc cãi lộn với em trai mình và Bapak thì đang ngủ trưa, và tôi nghĩ rằng người không thích những tiếng động chúng tôi gây nên, vì Bapak mắng chúng tôi, nắm bàn tay hai đứa chúng tôi với bàn tay người, và mỗi đứa bị phát vào tay.”

Haryono còn được hỏi: Khi nào ông chợt cảm thấy bố mình không như bố của những đứa trẻ khác?

“Lúc tôi khoảng 10 hay 11 tuổi. Chúng tôi hoàn toàn không hiểu được những gì thực sự đang xảy ra, vì thời thơ ấu chúng tôi có những lúc mình cảm thấy được tự do với Bapak, khi chúng tôi thường chơi chung, hay khi Bapak thường dẫn chúng tôi đi coi đá banh; nhưng cũng có những lúc chúng tôi thấy mình khá xa cách Bapak, như chẳng hạn khi chúng tôi không dám bước vào phòng Bapak. Có lúc chúng tôi được tự do, nhưng có lúc chúng tôi lại không dám hỏi Bapak đang làm gì. Nên chúng tôi chỉ việc chấp nhận những gì đang xảy ra trong nhà mà không cần thắc mắc. Chúng tôi chỉ biết là có những ngày nào đó thì có nhiều người trong nhà mình... Nhưng chúng tôi quả thực không biết được có gì đang xảy ra. Bây giờ thì tôi nghĩ là họ tập latihan, nhưng chúng tôi không nghe thấy tiếng động, vì latihan được tập lúc giữa đêm. Thông thường người ta đến khoảng 10 giờ đêm. Họ thường trò chuyện với nhau, khi những đứa nhỏ như chúng tôi đã đi ngủ. Họ thức suốt đêm, cho tới 5 giờ sáng. Buổi sáng khi bước vào, chúng tôi thường thấy có tất cả ghế ngồi và những mẩu thuốc lá. Đó là trong phòng khách...”

Haryono còn cho thấy cái khía cạnh thân mật với con cái của Bapak, khi ông cho hay việc các đứa trẻ ở Java thuộc giai cấp mình được dạy cho cách nói chuyện với bố mẹ bằng tiếng Java bác học, trọng khi đó thì Bapak luôn cho phép nói chuyện với mình bằng tiếng Java bình dân. Ông nói điều đó sau này khiến mình thấy khá lúng túng, vì nó đã trở thành một thói quen ăn sâu vào lòng. Có những lúc phải dùng tiếng Java bác học với Bapak, khi có mặt những người khác, nhưng ông lại không thể làm như vậy được.

Đó là hoàn cảnh của Bapak và gia đình giữa thập niên 30. Khoảng

cuối năm 1939 có một biến cố làm Bapak và mọi người phải xúc động, nhưng sự xúc động của Bapak không như của mọi người: đó là lúc thế chiến thứ hai bắt đầu. Trước đó 14 hay 15 năm, trước khi bỏ công ăn việc làm trong lúc tương lai mình được bảo đảm, Bapak đã nhận những cuốn sách kì bí cho thấy bằng tranh ảnh latihan trước tiên sẽ được truyền cho người Nam Dương, rồi sẽ có một cuộc đại chiến xảy ra mà sau đó Nam Dương được độc lập và mình sẽ du hành khắp thế giới.

• **Giai đoạn 1939-1945**

Như chúng ta đã thấy, ở Yogyakarta có những người nam đã khai mở cho những người nữ, và đã có những xuất latihan của phái nữ, nhưng chỉ khi Bapak lấy vợ lần thứ nhì thì Subud mới thực sự được mở cửa cho phái nữ.

Hôn nhân thứ nhì đó đã ảnh hưởng sâu đậm tới tương lai của cả Subud Nam Dương lẫn hải ngoại. Ibu Siti Sumari thường chỉ được gọi là ‘Ibu’ và nhiều người trên thế giới hết lòng kính mến ‘Bapak và Ibu’ và coi họ còn thân hơn bố mẹ mình. Trong suốt đời mình Bapak và Ibu là cha mẹ của nhiều người thuộc một gia đình hợp chủng đông đảo, và điều thường xảy ra là có rất nhiều người không quản ngại đường xá xa xôi, để được gặp mặt Bapak và Ibu, khi họ đi khắp thế giới để trông nom những ai đã được khai mở và theo tập latihan. Từ nay, Bapak có một người bạn đời có thể giúp đỡ phái nữ như mình đã giúp đỡ phái nam.

Khi gặp Bapak, Ibu là một thiếu phụ 34 tuổi và đã có hai đời chồng. Bà có hai người con: một cô gái 18 tuổi là Winarti (sau này Bapak đặt tên là Rochanawarti) và một cậu trai 16 tuổi là Warnato. Pak Suwarno, chồng bà, đã bị chính quyền thực dân giam bắt vì những hoạt động chính trị của ông, và ông bị đày ra một hòn đảo của Nam Dương. Vì không thể nuôi gia đình, nên Pak Suwarno cho phép Ibu được lấy chồng khác. Bà đã lấy chồng một lần nữa, và lần này là một nhà thầu khoán thành đạt. Ibu không có thêm con với đời chồng đó, và người chồng thứ nhì đó đã qua đời, trước khi bà gặp Bapak.

Lúc chồng mình qua đời không bao lâu là lúc Ibu ở Bandung. Bà thường trai giới để được chỉ dẫn về việc phải làm gì trong đời mình. Bà đến tham kiến một nhân vật có tiếng là một người hiểu biết

thâm sâu về tâm linh, để hỏi ông mình nên ở chỗ nào để được hạnh phúc. Ông đề nghị bà nên trở về nơi sinh quán của là Walonodo, và nói thêm rằng bà chẳng có gì phải lo lắng, vì vận may sắp đến với mình. Những gì ông nói còn có một điều khá kì lạ: bà là một *kyai*⁵ và phải kiếm một người chồng cũng là một *kyai*. Ông bảo đảm là bà sẽ gặp được vị *kyai* đó, và đó là một người cao quý và thanh nhã.

Bà trở về nhà và ở với mẹ mình trong một khoảng thời gian. Nhưng rồi bà nhận được một chỉ dẫn, có lẽ là một giấc mơ, là mình nên đến thăm người em trai là Yasim ở Semarang. Ibu cùng cô con gái mình là Winarti đến Semarang. Ban đêm khi họ ngủ, cửa để mở; trong lúc họ ngủ, cô em dâu là Ibu Yasim vẫn còn thức. Khi đi ngang qua phòng họ, cô kinh ngạc trông thấy hai quả cầu ánh sáng chói lòa, mỗi quả trông như trứng tròn rớt xuống từ trên cao. Khi cô đang nhìn, một quả nhập vào đầu Ibu, và quả kia vào đầu Warnati. Tất nhiên cô rất xúc động và lập tức đánh thức Ibu dậy, để hỏi bà đã cảm nghiệm thấy gì.

Ibu rất e thẹn không muốn cho bất cứ ai hay về việc mình đang đi tìm một *kyai* sẽ là chồng mình; bà chỉ nội là mình làm theo lời khuyên của một nhân vật có tiếng là hiền triết: đó là việc đi tìm một tôn sư có lẽ đang có mặt ở Semarang. Nghĩ mãi xem đó là ai, vợ chồng Yasim nhớ lại rằng Raden Suwanto, một người hàng xóm, là đệ tử của một nhân vật có thể là một *kyai*. Họ đồng ý sẽ dẫn Ibu đi gặp người đó.

Ibu và Yasim đến kể cho Raden Suwarno những gì xảy ra đêm hôm qua, và ông lập tức nói là phải đến gặp sư phụ mình là người có thể mình giải nghĩa những gì mà Ibu nghiệm thấy.

Mọi người lên đường đến gặp sư phụ của Raden Suwanto. Khi họ đến nhà Bapak, Ibu đảo mắt nhìn quanh xem có ai là người râu dài, mặc áo dài màu trắng, nhưng bà chỉ thấy những người ăn mặc theo lối thông thường.

Sau những chào hỏi xã giao, họ ngồi uống trà. Có thể là Ibu đã kể cho Bapak nghe về những lời khuyên của nhân vật nói trên, về những ánh sáng trông như mặt trăng. Lúc ngồi bà cảm thấy có một sự liên hệ giữa mình và Bapak. Nhưng Bapak không trả lời những gì bà hỏi, mà chỉ mỉm cười và nói với bà là hãy trở về nhà em trai

5 Tôn sư về đạo và huyền học

mình, để đợi sau đó Pak Suwardo sẽ giải đáp cho bà ý nghĩa của những gì được nhận thấy. Khi từ biệt, bà có một cảm giác tuyệt diệu.

Khi Ibu ra về, Bapak mỉm cười hỏi những người quanh mình có biết người đàn bà đó là ai không. Rồi Bapak cho họ hay đó chính là vợ mình.

Sáng hôm sau, trong lúc đang đi ngoài đường, Ibu chợt ý thức được có người đang sau mình, và ngay lúc đó bà biết người đó là ai: đó là người sẽ là chồng mình. Ba quay mặt lại thì thấy Bapak.

Ibu cùng cô con gái mình là Wainarti thường đến thăm Bapak tại căn nhà ở Kalisari. Trở về Wolodono với Wainarti, Ibu nói cho mẹ biết là mình sẽ lấy Bapak làm chồng. Bà mẹ Ibu bị một cú sốc. Bà nhắc lại cho con gái mình hay Ibu là người đã quen với lối sống cao sang của kẻ thích ăn ngon mặc đẹp, và theo những gì Ibu kê cho bà nghe thì Bapak không những không có công ăn việc làm, không có đồng xu nào dính túi, mà còn có thêm 4 đứa con. Thêm hai đứa con của Ibu thì tổng cộng là 6 miệng ăn phải nuôi. Đó là chưa nói tới những người thân mà Bapak phải phụng dưỡng. Bà mẹ Ibu cảm thấy chuyện hôn nhân này rất mơ hồ.

Chẳng bao lâu sau đó, Bapak đến xin hỏi cưới. Khi họ thành hôn ngày 15 tháng 11 năm 1941, Ibu rửa chân cho Bapak, như một cô dâu trẻ lần đầu tiên đi lấy chồng. Trong *Tự Truyện* Bapak nói:

“Chúng tôi sống giản dị nhưng luôn cảm thấy được an bình và yên tĩnh, nên tôi có thể siêng năng tập latihan kedjiwaan mà mình đã nhận được nhờ ân huệ của Thượng Đế.”

Còn có hai chuyện nữa mà Ibu thường kể về thời kì đó. Chuyện thứ nhất là người chồng đầu tiên của Ibu đã được trả tự do cho về nhà, và chính ông cho phép bà được lấy Bapak làm chồng. Chuyện thứ hai là những gì Ibu nghiệm thấy trong một giấc mơ trước đó. Bà trông thấy chồng mình đến gần mình, nhưng người đó trông không giống Bapak. Bà trông thấy một ông hoàng ăn mặc một bộ đồ sang trọng nhất, tất cả đều bằng vàng và có kim cương. Sau đó, trong lúc ngồi cạnh Bapak, bà chợt thấy người là ông hoàng mình thấy trong giấc mơ. Ngay lúc đó, Bapak nhìn bà mỉm cười. Tuy Ibu không hỏi gì, nhưng Bapak cũng nói: ‘Đó là chính là Bapak, nhưng

không là Bapak bằng xương thịt của thế gian này.’

Ibu đến Bergota Kalisari với hai người con mình, và trở thành mẹ của tất cả những người con của Bapak ⁶.

Tất nhiên là Ibu được Bapak khai mở, và chẳng bao lâu sau đó bà bắt đầu khai mở cho phái nữ. Nghe nói việc tập latihan có lợi cho sức khỏe, nên nhiều người theo tập latihan. Người ta bắt đầu đến gặp Bapak để nhờ người giúp giải quyết những vấn đề trong cuộc sống.

Chỉ 3 tuần sau khi Bapak và Ibu thành hôn, Nhật tấn công Trân Châu Cảng, và đem quân xâm chiếm thuộc địa Nam Dương của Hà Lan vào ngày mùng 10 tháng giêng năm 1942. Ngày mùng 8 tháng 3 năm 1942 người Hà Lan đầu hàng, và Nam Dương bị người Nhật chiếm giữ hơn ba năm.

Trong lúc chiến tranh, ở Yogyakarta những buổi latihan được tập vào buổi trưa vì lệnh giới nghiêm, và làm như vậy tránh khỏi bị tình nghi là có những hoạt động chống phần. Những cuộc thăm viếng Bapak hàng tháng bị gián đoạn. Nhưng đó phần nhiều không do chiến tranh, mà do tình trạng chia rẽ càng lúc càng trầm trọng giữa những người theo đường lối dụng hợp latihan của Pak Wignyosupartono và những người muốn tiếp tục theo Bapak. Sau một khoảng thời gian, những hội viên trung thành với latihan vẫn

6 Dưới đây là những gì Siti Rahayu còn nhớ được về người mẹ thứ hai của mình:

“Ibu không vui mừng, khi nghe thấy có ai nói chúng tôi không là con cái bà... Hồi đó Ibu là một người đàn bà tân thời, nhưng sau khi thành hôn với Bapak, bà đã thay đổi rất nhiều...”

Siti Hardiyati, người con gái út của Bapak, cũng còn nhớ như sau về Ibu:

“Ibu được coi là người mẹ đối với chúng tôi trong gia đình, cũng như đối với bất cứ ai chung quanh bà. Bà là người được kính trọng. Bà biết cách nói chuyện với giới trẻ, và đó là một đức tính của bà. Bà có sức lôi cuốn. Bà chỉ cần ngồi tại một nơi nào đó, thì mọi người sẽ đến gần bà, để nghe bà nói chuyện và đợi chờ bất cứ những gì bà sẽ nói... Bà có một lối làm cho người thấy vui thích. Bà có lối kể chuyện đặc biệt và có một giọng nói du dương. Chúng tôi chăm chú nghe và nóng lòng đợi chờ cho tới khi bà kể thêm cho mình nghe... Bà có một trí nhớ tuyệt diệu. Bà nhớ được mọi điều. Và bà thích nấu ăn.”

kiếm được cách mỗi tháng đến thăm Bapak ở Semarang, trừ phi tình trạng chiến tranh ở đó làm cho không thể tới được.

Tất nhiên những hoàn cảnh trong chiến tranh không luôn như nhau. Có lúc bị khó khăn và có lúc được dễ thở, nhưng không ai được hoàn toàn dễ thở, vì hầu như bất cứ lúc nào mình cũng có thể bị nguy hại. Ở Semarang Bapak phải ngưng khai mỏ cho thiên hạ trong một thời gian khá lâu, và người cũng ngưng cho tập những xuất latihan nơi nhà mình. Đôi khi Bapak có thể tập latihan với một hay hai người, và làm cho thấy đó chỉ là một cuộc thăm viếng xã giao, nhưng dù sao cũng phải hết sức thận trọng.

Kinh tế xuống dốc thế thảm do không thể xuất khẩu: những hàng hóa xuất cảng tới Nhật Bản bị tàu ngầm của Đồng Minh làm hại một cách trầm trọng. Điều đó với việc phải cho ngưng tập latihan có nghĩa là Bapak không còn được hội viên hỗ trợ nhiều tài chánh như trước đây, vì thời buổi khó khăn làm cho nhiều người chỉ kiếm ăn được để nuôi gia đình mình, và có những nhóm Subud không thể liên lạc được với nhau.

Bapak và gia đình làm cách nào để sinh tồn? Bapak nói rằng tháng 7 năm 1943 mình cùng 8 người khác đã lập nên một công ty thầu khoán nhỏ bé mà mình làm chủ. Ibu cũng làm ăn đôi chút để kiếm thêm tiền, bằng cách buôn bán kim hoàn. Đọc một bài nói chuyện của Bapak trong năm 1982, ta thấy được hoàn cảnh sinh sống của người hồi đó.

“Có lần Bapak không có tiền, chẳng có một đồng nào hết, đến nỗi Ibu phải hỏi: ‘Phải làm gì đây, chúng ta không có tiền. Tôi làm sao mua được thứ này thứ nọ?’

-Đừng nói vậy, chúng ta tự nhiên sẽ được nuôi ăn.

Quả thực là vậy, có một người đi ngang qua mà Bapak quen biết, người đó chột quay lại và bước vào.

-Tôi nghe nói ông thường buôn bán kim cương?

-Cái gì! Đúng vậy đó!

Thực ra, tôi chưa từng buôn bán kim cương và chẳng biết chút gì

về nghề đó.

-Đây này, cái này là của tôi. Ông giữ lấy và nếu có ai muốn mua, thì ông bán nó hộ tôi.

-Ông muốn sẽ bán là bao nhiêu?

-Không nhiều. Chi độ 15 triệu.

-Ông nghĩ chắc chắn là sẽ có người mua?

-Đừng lo, nếu không bán được thì tôi đem nó về.

Một khoảng thời gian sau thì có một người đi ngang qua.

-Pak Subuh, ông có bán kim cương?

-Thật là tình cờ..Có chứ.

Tất nhiên tôi nói vậy, vì đó là sự thật. Tôi đem nó ra cho coi.

-Ông muốn bán là bao nhiêu?

-Ông cứ nói đi. Ông trả giá là bao nhiêu?

-Ông chịu bán là 20 triệu?

-Dĩ nhiên tôi chịu.

Tôi nói vậy, vì thực ra tôi chẳng biết chút gì về việc nó đáng giá là bao. Người đó trả tiền. Chuyện đó mất tất cả là hai ngày. Sau đó, người nhờ bán kim cương trở lại.

-Có gì mới lạ không?

-Đã bán được!

-Được bao nhiêu?

-Được 20 triệu. Ông thấy thế nào?

-Tất nhiên 5 triệu cho Pak Subuh và 15 triệu cho tôi.

Sau đó Ibu hỏi:

-Ông lấy đâu ra số tiền mà mình có?

-Tôi được vận may.

-Có bao nhiêu?

-5 triệu.

-Có chuyện đó? Sao nhiều vậy!

-Thì hôm nọ bà xin tiền, có đúng không?

Người nhà của Bapak đã có thể sinh tồn, nhưng tính mạng của họ chưa hẳn là được an toàn. Việc nguy hiểm nhất xảy ra trong năm 1944, khi có những cuộc nổi loạn chống lại người Nhật nhưng bị dẹp tan. Các đô thị càng lúc càng có nhiều người nhận thấy rõ là Nhật Bản sẽ bại trận, những thanh niên có học bắt đầu lập nên những phong trào hoạt động trong bóng tối dưới sự sai khiến của các phong trào quốc gia. Cậu con trai của Ibu, Warnoto, hồi đó 18 hay 19 tuổi, bị người Nhật bắt đi lính, nhưng đã đào ngũ để gia nhập một trong những phong trào nói trên. Cậu lấy theo 5 hay 6 khẩu súng đem về cất giấu tại căn nhà Kalisari.

Hồi đó là lúc những kẻ mật báo có mặt khắp nơi, và hình như có một kẻ thường đến Kalisari để theo dõi Warnoto. Thời chiến việc cất giữ vũ khí là một trọng tội.

Chợt có quân Nhật đến khám xét từng nhà một. Họ bắt tất cả các đàn ông phải đi ra khỏi nhà, kể cả Bapak. Nhưng phải che giấu Warnoto, vì cậu đã đào ngũ và có kẻ mật báo đã cho người Nhật hay. Ibu Siti Rahayu bảo cậu nằm trên giường mặt quay về phía tường mà tỏ vẻ đang rất đau ốm. Bà mẹ Bapak mặc lễ phục màu trắng, đặt gân giường chiếu chiếu mình ngồi trên đó để cầu kinh và bắt đầu tụng niệm. Siti Rahayu, lúc đó 16 tuổi, đã đem giấu tất cả các khẩu súng dưới giường Warnoto đang nằm, và lấy một tấm nệm mỏng phủ lên súng, vì không còn thời gian để đem giấu tại những chỗ khác. Mọi việc được làm xong trong một vài phút,

thì đám lính đến. Bapak tất nhiên phải đứng bên ngoài với những người đàn ông khác.

Đám lính bước vào căn nhà Kalisari và bắt đầu lục xét. Chỉ mất một vài phút nữa là họ đến gần chiếc giường trên đó Warnato đang nằm. Một tên lính chĩa súng vào Warnato. ‘Đây là ai?’ hấn quát tháo. Bà mẹ Bapak đáp: ‘Thật tội nghiệp cho cháu tôi, nó đang đau ốm rất nặng.’ Tên lính đứng đó độ một vài phút. Mọi người có thể thấy là có gì đó dưới giường. Tên lính nhìn quanh, đi ra khỏi phòng, và những nơi khác trong nhà tiếp tục bị lục xét. Họ chẳng tìm thấy gì hết. Nếu tìm thấy súng thì tất cả những người trong nhà sẽ bị đem ra ngoài xử tử.

Sau khi đám lính ra đi, Bapak bảo Siti Rahyu đem bỏ tất cả các súng vào thùng rác trong vườn.

Sau vụ nhà mình bị lục xét, Bapak cảm thấy đó là điều nguy hiểm cho mọi người trong gia đình, nếu để cho Warnato ở chung. Nên cậu bỏ nhà để đi theo những thanh niên trốn vào rừng hay lên núi để lập nên những toán du kích quân chiến đấu cho đất nước được độc lập. Gia đình Bapak chỉ gặp lại Warnato hơn 5 năm sau, lúc cậu đã lập gia đình và có con.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945 Nhật đầu hàng vô điều kiện. Một vài tuần sau, đại diện cho Đông Minh, người Anh đến để được người Nhật trao lại quyền hành. Hết chiến tranh, người Hà Lan vẫn còn tự coi mình là chính quyền hợp pháp của Nam Dương. Người Nam Dương ban đầu đã chào đón quân đội Nhật, vì nghĩ rằng nhờ họ mà mình được giải phóng khỏi chế độ thực dân Hà Lan là một chế độ đã đặt những gánh nặng kinh khủng lên hàng vạn người, và ngoài ra còn không cho những người Nam Dương có học vấn được quyền tham chính. Khi chiến tranh kéo dài, chế độ quân phiệt Nhật trở nên áp bức hơn. Tính mạng người dân Nam Dương bị xem thường: hàng ngàn người đã bỏ mạng, vì phải đi lính hay làm lao công cho Nhật. Người dân Nam Dương đã chịu những đau khổ khiến họ đoàn kết lại, để tranh đấu cho nên độc lập của đất nước. Khi hết chiến tranh, tinh thần quốc gia của người Nam Dương chợt bùng phát. Ngày 17 tháng 8 năm 1945, trước một đám đông đứng trước nhà mình ở Jakarta, Sukarno đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập, trong khi người Nhật vẫn còn nắm quyền đợi chờ Đông Minh đến giải giới.

Trong thập niên 20 Bapak đã tiếp nhận được là Nam Dương sẽ được độc lập, và có lẽ cũng đã nói cho bạn bè mình hay. Chắc hẳn họ đã phải xúc động, khi nghe đọc bản Tuyên Ngôn đó.

Sắp phải rút về nước và không muốn thêm phiền phức, người Nhật làm nơng ệ cho một số những vũ khí của mình mất vào tay những nhóm quốc gia. Những người Hà Lan bị bắt giữ trong chiến tranh được thả ra khỏi tù, nhưng đối với người Nam Dương họ là hiện thân của chế độ thực dân. Sẵn có vũ khí trong tay, những người quốc gia liền tàn sát họ.

Quân đội Nhật vẫn còn nhiệm vụ giữ an ninh tại các đô thị, nên nhiều trận đụng độ xảy ra giữa họ và phe quốc gia. Ngày 3 tháng 10 người Nhật sát hại nhiều thanh niên tại một thành phố gần Semarang. Ngày 10 tháng 10 một trận đánh xảy ra ở Bandung trong đó phe quốc gia bị đánh đuổi khỏi thành phố. Ngày 14 tháng 10 quân đội Nhật bắt đầu lây lại Semarang là nơi Bapak và gia đình đang ở.

Ở Semarang phe quốc gia bắt giữ được khoảng 300 người Nhật, và khi quân đội Nhật sắp chiếm lại thành phố, họ trả đũa bằng cách sát hại các tù nhân. Sáu ngày sau khi người Anh đến, thành phố đã nằm trong tay người Nhật, nhưng nhiều người đã phải thiệt mạng: 500 người Nhật và hơn 2000 người Nam Dương.

Đó là lúc mà Bapak viết trong Tự Truyện: ‘tình hình miền Tây Semarang, Bergota Kalisari và những vùng lân cận, trở nên nguy hiểm...’

Người Nam Dương có tính không thích bỏ quê cha đất tổ đi nơi khác, nhưng Bapak đã tiếp nhận được là mình phải bỏ đi, và người liền đem gia đình mình đi khỏi Kalisari. Nếu người chân chừ thì cả nhà đã bị kẹt trong lúc đôi bên đánh nhau. Muốn đi ra ngoài thành phố thì phải đi bộ, đi một đoạn đường thật dài, và dĩ nhiên là chỉ có thể lây theo những thứ mình mang được.

Đi khỏi được Semarang là chuyện mạo hiểm. Bapak biết được mình và gia đình phải vượt qua con đường cái tới Yogyakarta, trước khi nó nằm dưới sự kiểm soát của quân đội Nhật. Trên thực tế thì họ đã vượt qua được con đường đó 2 ngày trước khi việc đó xảy ra. Khi đường bị lính Nhật kiểm soát, việc đi từ bên này qua

bên kia là điều cực kì nguy hiểm: tình hình căng thẳng đến nỗi lính Nhật bắn vào bất cứ những gì họ thấy cử động.

Bapak muốn đem gia đình tới nhà của Ibu Siti Sumaru ở Wolonodo, và nếu muốn được an toàn thì phải đi theo một con đường quanh co dài đến hơn 114 cây số. Họ phải mất khoảng một tháng và 6 tuần thì mới tới đó được.

Họ phải đi qua rừng rậm, đôi khi phải lội qua suối và ngay cả sông. Tháng 9 hay tháng 10 là mùa mưa, và đôi khi nước sông thật sâu và chảy rất nhanh. Nhiều lần, ngay cả khi được dân địa phương dẫn đến chỗ cạn, họ phải qua sông bằng cách người này nắm tay người kia theo hàng dài, vì nước sông sâu đến ngực và chảy thật nhanh.

Phải đem tất cả những gì mà mình có, nên họ không thể mang theo nhiều thức ăn. Họ nghèo đói, và đôi khi phải mua thức ăn, nhưng có lúc cũng phải trao đổi hàng hóa lấy thức ăn. Rochanawarti, lúc đó 22 tuổi, đã có thể bán những quần áo mới đẹp của mình để đổi lấy thức ăn, và có lúc đã làm ăn bằng cách mua một thứ gì đó rồi bán lại với một giá mắc hơn.

Đôi khi họ có thể tá túc một vài ngày tại nhà của bạn bè hay những người bạn của bạn mình, cho tới khi Bapak nói: ‘Thôi, tiếp tục lên đường’. Như vậy chuyến đi của họ được chia thành nhiều giai đoạn.

Không chỉ có gia đình Bapak đã di tản. Hàng trăm người khác cũng đã phải bỏ nhà ra đi để tới những vùng rừng núi, khiến chân họ phải sưng, và đôi khi làm cho những người già cả phải chết vì không thể đi tiếp được. Tuy đã tránh những con đường xảy ra những cuộc đụng độ giữa lính Nhật và phe quốc gia, nhưng không phải vì vậy mà Bapak và gia đình không có gì phải lo. Họ phải đi qua những vùng hoang vu không cây cối, cỏ mọc cao tới tận đầu, tiếng thú dữ có thể nghe thấy tuy không trông thấy, và hồi đó là nơi ẩn náu của trộm cướp.

Bapak đi vào khu vực đó với Ibu, như hầu hết các phụ nữ Nam Dương bà mang một chút nữ trang mặc dù nghèo khổ, và đem con cái gồm hai cô gái 20 và 17 tuổi và hai cậu trai 15 và 14 tuổi. Các

cậu trai vẫn còn nhỏ chưa thể làm cận vệ được, và tuy giỏi võ⁷ nhưng Bapak chỉ dựa vào sự che chở của Thượng Đế.

Trời tối họ đến một căn nhà đồ nát và tồi tàn. Bapak bước vào và hỏi kẻ ở đó là mình có thể ngủ đêm tại đây được không. Kẻ đang nói chuyện với Bapak trông rất hung dữ. Hắn rất ngạc nhiên, vì Bapak và gia đình đã không ngần ngại bước vào nhà mình, thay vì tránh xa mình. Có lẽ hắn đã cảm được latihan, mặc dù không hiểu tại sao mình lại thấy mến thích Bapak.

Hắn nói cho Bapak hay là vài ngày trước khi họ đến, hắn tự nhiên thấy mình làm những điều mà chính mình cũng không ngờ được, như dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn để đón khách. Hắn còn nói thêm rằng bản tính mình là một kẻ chỉ thích làm hại người khác thay vì giúp đỡ họ, và việc Bapak chợt đến là điều hết sức bất thường, khiến hắn tự hỏi chắc đây phải là một vị thánh.

Mọi người nằm trên một chiếc giường bằng tre rộng lớn, và mệt mỏi đến nỗi phải ngủ. Độ một vài giờ sau họ được đánh thức dậy và đồ ăn đã được dọn sẵn, có cả thịt gà nữa. Sau khi ăn uống no nê họ đi ngủ tiếp. Lúc khuya Bapak nghe thấy xuyên qua vách tường có tiếng nói và trông thấy 4 hay 5 năm kẻ ăn mặc theo lối bọn cướp. Khi sáng thì những kẻ đó đã đi đâu mất. Bapak đã không ngờ chủ nhà là một tên tướng cướp.

Chủ nhà nài nỉ đề thuyết phục họ ở lâu thêm nữa nhưng Bapak cho hay là mình phải tới Wolonodo hôm đó và họ lại lên đường. Sau khi đã đến nơi, Bapak vẫn còn ao ước bán được căn nhà ở Semarang để định cư gần gia đình Ibu ở Wolonodo và sinh sống bằng nghề nông, vì đó là một vùng quê dồi dào thức ăn. Hồi đó người rất nghèo và chỉ có một bộ quần áo được tự tay mình may vá lại. Bapak nói rằng sau này khi mình giàu có sự nghèo khổ đó đã có thể khiến mình khuyên những người bị nghèo khổ là đừng vì vậy mà lo buồn.

Bapak và gia đình ở Wolonodo được khoảng 3 tháng, nhưng sau đó người tiếp nhận được là mình phải tiếp tục lên đường. Lần này

7 Bapak đã tập võ hồi còn trẻ. Khi có latihan, người nhận được những thế võ chưa từng thấy biểu diễn.

thì tới Yopgyakarta.

- **Giai Đoạn 1946-1957**

Đầu tháng 2 năm 1946 Bapak và gia đình dùng xe lửa đến Yogyakarta. Có nhiều lí do khiến người đến đó hồi đó.

Trước hết là để cho Ibu Rahayu được tiếp tục đi học, sau khi đã phải bỏ học vì chiến tranh. Sự liên lạc với những hội viên Yogyakarta đã bị gián đoạn những lúc loạn lạc trong năm 1945. Các hội viên Yogyakarta vẫn đã có thể mỗi tháng cho người đến Semarang để gặp Bapak, và người vẫn còn tiếp tục hướng dẫn họ vượt qua những điều khiến cho nhóm bị tan rã. Tình trạng chia thành phe nhóm xảy ra giữa những người chỉ theo tập latihan và những người dung hợp latihan với những thứ khác. Hình như trong lúc Bapak ở Wolodono, các hội viên Yogyakarta đã có thể liên lạc với người, và có thể họ đã mời Bapak đến Yogyakarta để giúp mình. Còn có một lí do khác khiến Bapak đến đó đầu năm 1946. Chiến tranh đã làm cho kinh tế của Nam Dương bị tổn thương nặng, nên hầu hết mọi người phải đối phó với vấn đề tài chánh. Khi đi khỏi Semarang Bapak chỉ có ít tiền, và người tiếp nhận được là mình phải kiếm việc làm. Nơi có nhiều triển vọng nhất để kiếm được việc tất nhiên phải là Yogyakarta, vì đó là thủ đô của Nam Dương dưới quyền Chính Phủ Cộng Hòa.

Lúc đó là lúc Cách Mạng Nam Dương đã đủ lông cánh. Ngay trước khi Bapak đến Wolodono, hàng ngàn người Nam Dương đã phải bỏ mình khi chiến đấu chống lính Anh ở Surabaya. Trận đánh đó chứng tỏ cho thế giới thấy phong trào tranh đấu cho độc lập là một phong trào quân chúng, và khiến cho những kẻ trước đây ngậm ngậm ủng hộ nay công khai tham gia Cách Mạng. Người Hà Lan muốn áp đặt trở lại chế độ thực dân. Những người đến Yogyakarta hoặc là những người đi lánh nạn từ những nơi có người Hà Lan trở lại, hoặc là những người tiếp tay tranh đấu cho độc lập.

Ở Semarang căn nhà Kalisari của Bapak có người khác vào ở mà không được phép của Bapak. Có lẽ hồi đó người Hà Lan cho rằng những nhà cửa không có ai ở là của những kẻ theo Cách Mạng, nên căn nhà đó đã bị tịch thu. Hình như trong thời kì đó bản thảo cuốn *Trikanda* của Bapak đã bị mất.

Hình như khi Bapak đến Yogyakarta, những người theo tập latihan đã chia thành 4 phe nhóm, trong đó có 2 nhóm không dung hợp latihan với thiên định hay một giáo lí nào khác. Những người cầm đầu các nhóm đó thường gặp nhau để tập latihan chung. Họ vẫn còn thân nhau, nhưng hình như đã tranh luận nhiều về việc có nên hay không đem những thứ khác vào sự tu tập để hỗ trợ cho latihan, chẳng hạn như một vài giáo lí của đạo Hồi. Tổng cộng những người theo Bapak chỉ độ khoảng 20 người.

Pak Isnandar, người cầm đầu của một nhóm theo Bapak, là nhân vật nắm giữ phần nhiều những việc liên quan tới tài chính của chính quyền thành phố. Pak Isnandar cấp cho Bapak một căn nhà được dùng làm nơi tập latihan, nhưng vì căn nhà đó nhỏ, ông cấp cho một căn khác rộng hơn.

Phần nhiều những việc làm hồi đó không ít thì nhiều có liên quan tới Cách Mạng. Sau khi đến căn nhà mới ở, Bapak kiếm được một chút tiền bằng cách làm kế toán cho *Masyumi* là Hội Đồng Cố Vấn của người Hồi giáo Nam Dương.

Dưới đây là những gì Pak Poedjosoemarto thuật lại về thời kì đó.

“Kể từ lúc Bapak đến Yogyakarta, các anh chị em đã được hướng dẫn và điều này y như việc chúng tôi tiếp nhận được ngay lúc ban đầu của latihan. Ngày và đêm, bất chấp giờ giấc, Bapak giảng giải, làm trắc nghiệm và latihan, nói cho chúng tôi cách phải thờ Thượng Đế như thế nào. Đặc biệt nhất là tháng Ramadhan, hầu hết đêm nào cũng có những buổi tập kéo dài cho tới sáng sớm... Do đó mà cái latihan được chúng tôi gọi là *Kasunyatan* bắt đầu bành trướng thêm và có đông người theo. Do hoàn cảnh thời giờ và không gian bị giới hạn, Bapak cho phép chúng tôi tập latihan tại những địa điểm, những ngày và lúc khác nhau.

Mặc dù vậy, các anh em thuộc những nhóm của Pak Wignyosopartono và Pak Soekino Hartono vẫn còn giữ vững lập trường và không chịu nhìn nhận cái được gọi *Ilmu Kasunyatan* là thuộc Bapak. Cả hai đều đến những nơi chúng tôi tập latihan... Họ đến với tư cách là khách để kiểm chứng coi đường lối của Bapak là đúng hay sai... Họ vẫn còn tự cho mình là cao siêu hay hoàn hảo hơn.”

Hình như đó cũng chính là lúc Bapak cho mọi người biết là không được si nhục hay đụng vào người khác trong latihan. Bapak hợp hai nhóm già và trẻ thành một, và dần dần nói cho mọi người biết là trong Subud không có bí mật. Ban đêm phái nam thường ngồi chung quanh Bapak để nghe người nói chuyện, trong khi có 2 hay 3 người vào phòng khách của Bapak để tập latihan, vì không có đủ chỗ để cho nhiều người cùng tập một lúc. Điều này xảy ra suốt đêm cho tới 5 giờ sáng, và đôi khi Bapak làm trắc nghiệm.

Tuy một vài người nữ đã được Ibu khai mở trong lúc chiến tranh và có người đã được chồng mình hay những người nam khác khai mở ở Yogyakarta, nhưng chỉ khi Ibu ở Yogyakarta từ năm 1945 trở về sau, thì phái nữ mới tương đối dễ dàng được khai mở. Thông thường những người tập chung latihan với Ibu là những người vợ hay thân nhân phái nữ của những người nam là hội viên.

Mặc dù được cung cấp cho nhà cửa, Bapak vẫn cần phải kiếm được một việc làm lương cao hơn, và có lẽ đầu năm 1946 người bắt đầu làm việc cho quân đội quốc gia. Chúng ta được biết người mang cấp bậc trung tá và hình như là trưởng ban kế toán thuộc Bộ Y Tế của quân đội. Bapak nói rằng mình không thích làm công việc đó, tuy tiền lương hơn mức trung bình. Đầu năm 1948 người xin nghỉ việc và nói rằng làm công việc của một quân nhân là điều không thích hợp với chân tâm mình.

Lúc Bapak vào quân đội là lúc tình hình đất nước trở nên căng thẳng: một mặt phải đối phó với người Hà Lan, vì họ muốn chiếm lại thuộc địa mình, mặt khác là ngay cả những phe tranh đấu cho độc lập cũng không đồng lòng, vì thường có những xích mích giữa các phe Cộng Hòa Xã Hội, Cộng Hòa Cộng Sản và Cộng Hòa Hồi giáo chính thống. Những bất đồng nội bộ giữa các phe Cộng Hòa nhiều lúc khiến cho xảy ra những vụ bắt bớ, hành hình và những cuộc chém giết đẫm máu. Đó là thời mà những tin đồn thất thiệt thường làm cho những kẻ bị tình nghi nhưng vô tội trở thành nạn nhân. Để che chở cho những người tập latihan, Bapak cảm thấy đã đến lúc phải chính thức lập nên một hiệp hội có chủ trương và hội viên hãn hoi, để cho chính quyền khỏi nghi ngờ việc làm của những người mỗi tối đến nhà mình.

Kể từ lúc Bapak đến Yogyakarta, số hội viên liên gia tăng, và cuối năm 1946 thì được khoảng 200 hoặc 300 người. Những xuất

latihan được tập tại nhiều nơi; trước đây được tập mỗi đêm, bây giờ thì mỗi tuần 3 lần. Theo những gì Pak Poejosoemarto thuật lại, nhiều người đã phản ứng lại như sau về đề nghị lập nên một tổ chức.

“Đó là năm 1947. Sau khi Bapak ở Yogyakarta được khoảng một năm, sự phát triển nhanh chóng của các anh chị em nơi đây là điều ai cũng thấy rõ. Do đó mà Bapak đồng ý cho lập một tổ chức. Hội đó có nhiều hội viên không đồng ý việc lập nên một tổ chức, lí do là ta không thể tổ chức việc phụng thờ Thượng Đế. Bapak giảng giải, hướng dẫn và rút cuộc chúng tôi hiểu được và đồng ý. Cuối cùng một tổ chức được thành lập một cách khá tốt đẹp.”

Có lẽ là tháng 10 năm 1946 Bapak bắt đầu cho thành lập tổ chức của những người theo tập latihan, và Pak Slamet là người được chỉ định soạn thảo những điều lệ của hiệp hội. Pak Slamet kêu tất cả các hội viên đến họp tại nhà Bapak, và một ban quản trị và phụ tá được thành lập. Ban phụ tá gồm 5 người và ban quản trị cũng gồm 5 người là hội trưởng, phó hội trưởng, hai thư kí và một thủ quỹ. Mọi người đồng ý là những bước đi kế tiếp sẽ là xin sự cho phép và chứng kiến của chính quyền, quân đội và công an. Ngoài ra cũng phải công khai cho biết hội được thành lập, để quần chúng thấy được đó là gì. Cuối cùng là phải đặt tên cho hội, và Pak Slamet hỏi Bapak cái tên đó sẽ ra sao. Sau khi họ tập latihan, Bapak bảo Pak Slamet làm trắc nghiệm với mình về việc đặt một cái tên cho hội.

Có nhiều sự việc được thuật lại về vụ đó. Trước hết là những gì do Pak Poejosoemarto kể lại.

“Trước hết Bapak bảo Pak Slamet đứng lên để làm trắc nghiệm. Khi Pak Slamet đứng yên lặng, Bapak hỏi: ‘Tên của cái tổ chức chúng ta sẽ như thế nào, để đúng hợp với cái latihan của chúng ta là sự phụng thờ Thượng Đế?’ Pak Slamet vẫn đứng yên, nhưng rồi ông đưa cách tay phải lên và lấy ngón tay trỏ đặt lên ngón tay cái để tạo thành một hình tròn ở giữa trông không. Pak Slamet vẫn đứng yên. Rồi Bapak nói: ‘Bây giờ thì viết trên bảng.’ Pak Slamet đi về phía tấm bảng đã có sẵn.

Đến trước tấm bảng, Pak Slamet chậm chạp viết: *Soeboed*. Bapak nói. ‘Được rồi. Hãy trở về chỗ ngồi.’ Thừa các anh chị em, mọi người đã thấy được từ đầu tới cuối. Hình tròn, trông không ở giữa.

Nó có nghĩa là con số không, là trống không. Sau khi xem xét kỹ những gì được viết, Bapak nói cái đó là hay, ý nghĩa của nó cũng hay, và đó sẽ là cái tên rất hay cho tổ chức tâm linh của chúng ta.”

Soeboed có thể được coi là một từ cấu tạo bằng những chữ đầu của một nhóm từ là SOE silica, BOE di và Dharma.. Nó có nghĩa là trống không, hình tròn, là con số không hay sự cân bằng, xứng hợp. Nhưng cũng có thể hiểu đó là lối viết tắt của Soesila Boedi Dharma, là những gì tượng trưng cho con người. Bapak thường cắt nghĩa *Soeboed* hay *Subud* là gì. Người nói rằng tiếng đó không có nghĩa là một giáo lí hay một tôn giáo mới, mà là tượng trưng cho sự toàn thể của một người theo cái lí tưởng nên đạt được. Về từ *Subud* Bapak nói:

“Chúng ta dùng nó là vì trên thực tế ý nghĩa của *Subud* đúng hợp với tình trạng các bạn mỗi lần tiếp nhận được latihan, lúc các bạn đích thực được quyền năng Thượng Đế giáo hóa và hướng dẫn, để linh hồn được thanh cao và tinh tình được tốt lành, và điều này cũng khiến cho nội dung tâm lòng mình tin tưởng quyền năng của Thượng Đế nhiều hơn. Nguyên nhân khiến cho có latihan của *Subud* là ân huệ của Thượng Đế...Đó là mục tiêu và nguyên tắc của latihan kejiwaan. Thế cho nên, điều được gọi là *Subud* chỉ là bản thân các bạn...”

Pak Poejosoemarto kể tiếp:

“Cái tổ chức có tên là *Soeboed* ra đời ở Yogyakarta mừng một tháng hai năm 1947 tại tư gia của Bapak...Khi cái tên mới đó đã chính thức được Bapak đặt ra, chúng tôi không còn dùng tiếng Kasunyatan nữa, và nó hoàn toàn không còn nữa.”

Theo sự việc thứ nhì được kể lại về chuyện chọn tên, chúng ta thấy Bapak và Pak Slamet, mắt nhắm và đang tiếp nhận, đến gần tám bảng. Bapak tiếp nhận và viết ra một cái tên, nhưng Pak Slamet không tiếp nhận được, hoặc tiếp nhận một cái tên khác. Họ làm lại một lần nữa và nhận được những tên khác nhau. Đến lần thứ ba, Bapak viết *Soeboed* và Pak Slamet cũng nhận được tiếng đó.

Sự việc thứ ba cũng như thứ nhì, nhưng có điều ngược lại là Pak Slamet viết lên bảng, và Bapak thì tiếp nhận.

Mùng một tháng 2 năm 1947 các hội viên Yogyakarta mở một buổi họp để khai mạc Soeboed. Những người được mời đến dự là các nhà báo và trí thức, công an và những viên chức cao cấp đại diện cho chính quyền. Khi diễn thuyết trong dịp này, Bapak cho hay Soeboed không có thánh thư, không có giáo lí, không có phép bí truyền, không có phương pháp thiên định. Trong Soeboed hội viên chỉ quy thuận Thượng Đê một cách kiên nhẫn, tin cậy và chân thành, và các hội viên Soeboed là những người tuân theo luật lệ của nhà nước.

Bapak chỉ cho thấy biểu tượng của Soeboed và cắt nghĩa đó là gì. Vòng tròn trong cùng là trình độ vật chất, vì đó là cái nhỏ nhất; vòng tròn kế tiếp là thực vật; tiếp theo là thú vật và theo sau đó là con người. Kế đến là trình độ con người toàn thiện, trình độ thiên thần, rồi đến trình độ tổng thiên thần (archangel). Trên đó còn có nhiều nữa, nhưng đó là những điều hoàn toàn ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, nên đã không được cho thêm vào biểu tượng. Những đường thẳng chiếu từ trung tâm ra phía ngoài là *Roh Ilofi* hay cái Thánh Linh đọng vào tất cả các trình độ, và những khoảng cách giữa các vòng tròn tượng trưng cho sức mạnh của thiên thần là *Roh El Kudus* thâm nhập vào mọi thứ.

Chúng ta không biết đích xác khi nào Bapak lần đầu tiếp nhận được biểu tượng đó, nhưng người nói rằng mình tiếp nhận được, khi trông thấy nó trong ánh sáng chói lòa trên bầu trời màu xanh lúc giữa đêm, và việc này có nghĩa là sự vô cùng. Về ý nghĩa của từ Subud còn có một điều đáng chú ý khác được Prio Hartono nhắc tới trong một buổi nói chuyện tháng 7 năm 1963 ở Semarang.

“Tuy Subud là tiếng viết tắt của Susila Budhi Dharma, nhưng còn có một ý nghĩa khác bắt nguồn từ tiếng Java *sumbud*. Sumbud được dùng để nói đến cái điềm nơi đó phân đầu và phân cuối nhập lại thành một. Ta có thể hiểu ý nghĩa là chúng ta đến từ Thượng Đê và sẽ trở về với Thượng Đê. Thực chất của Subud là việc con người phụng thờ Thượng Đê và được Thượng Đê hướng dẫn.”

Hiện nay chúng ta coi biến cố nói trên là một sự việc quan trọng trong lịch sử của Subud, nhưng hỏi đó thì nó không hơn gì một thủ tục để cho những người tập latihan được dịp mỗi tối gặp nhau mà không bị tình nghi là có âm mưu phá hoại an ninh.

Dưới đây là những hồi ức của Pak Mangoendjaja về cái khoảng thời gian có lẽ từ năm 1947 tới đầu thập niên 50.

“Bapak có lần hỏi: ‘Có ai đã từng trông thấy biển mà không có ranh giới?’ Chỉ có một người nói là có. Theo chỗ tôi hiểu, điều Bapak muốn nói là một vùng liên tục và vô hạn mà một cá nhân phải đi qua, để rời bỏ cái thế gian này. Năm 1952 một người Hà Lan mà tôi gặp lúc đến tập latihan, đã kể cho tôi nghe một chứng nghiệm trong đó anh trông thấy vùng biển đó trong latihan. Khi được hỏi là suốt lúc đó có ý thức được hay không, anh cho hay là so với cái ý thức lúc latihan, cái ý thức lúc ban ngày rất nhỏ bé và hạn chế. Chẳng hạn, trong cái ý thức ban ngày, chúng ta không ý thức được bất cứ gì đằng sau mình, nhưng trong cái ý thức lúc latihan thì tất cả các chiều hướng đều không bị cản trở.

Có lần Bapak nói với tôi: ‘Khi còn là một đứa bé, bạn đã đau ốm nhiều. Bapak thấy điều gì như một áp xe (abscess) trên khoeo mắt bên phải. Cái đó là gì vậy?’ Tôi cho hay là theo những gì mẹ mình kể lại, tôi đã bị như vậy khi còn là một đứa bé. Vì không có y sĩ nơi làng chúng tôi ở, nên mẹ tôi tự tay cắt mổ với một con dao bếp. Tôi lấy làm kinh ngạc là Bapak có thể trông thấy vết sẹo sau nhiều năm, mặc dù bề ngoài trông không có gì hết.

Trong một buổi họp họ, Bapak không có mặt, và Pak Menggung, con rể của người, thay thế làm người hướng dẫn nhóm. Ông cho hay do latihan cảm xúc chúng ta trở nên nhạy cảm hơn và đôi khi chúng ta có thể nhận thấy cảm xúc của người khác. Ông cũng nói rằng cảm xúc của chúng ta có thể truyền đi từ người này qua người khác. Để có bằng chứng, tôi đề cho mình được trải nghiệm. Ba lần ông đọc những câu đầu của kinh Quran, và sau mỗi lần thì ngắt giọng. Sau đó ông bảo tôi cho biết những gì mình cảm thấy. Điều kinh ngạc là tôi có thể cảm thấy sự khác biệt giữa mỗi lần đọc, mặc dù đó chỉ là những câu kinh được tụng niệm y như nhau. Lần thứ nhất tôi cảm thấy rất vui vẻ và mỉm cười; lần thứ nhì tôi cảm thấy rất buồn và muốn khóc; nhưng lần tụng niệm thứ ba tôi chẳng cảm thấy gì hết. Pak Menggung cho hay như vậy là đúng, và nguyên nhân khiến tôi không cảm thấy gì hết lần tụng niệm thứ ba là vì ông đã truyền đi với trí óc mình, trong khi tôi tiếp nhận với cảm xúc. Ta có thể so sánh điều đó với một máy vô tuyến bắt được một tần số khác. Trí óc chỉ có thể nhận được trí óc, và cảm xúc chỉ có thể gặp được cảm xúc. Trong một buổi họp khác, Bapak nói rằng nhờ

latihan ta có thể làm cho cơ thể sống lại, vì có thể nói là hiện nay nó đã chết. Tất cả các bộ phận từ đầu tới chân phải được làm cho sống lại, khiến nó có khả năng nhận được sức mạnh của Thượng Đế. Rồi người bảo tôi tiếp nhận và nói: ‘Nếu sống động, mắt bạn sẽ ra sao?’ Tôi nhắm mắt lại, và sau một khoảng thời gian, điều này khiến tôi kinh ngạc, mắt mình bắt đầu cử động lên và xuống, từ bên này qua bên kia, trong những hốc của nó. Từ lúc đi học tôi hiểu được rằng mắt đứng vững được nơi vị trí của nó nhờ những cơ bắp, và bây giờ thì nó tự nhiên cử động. Bapak cho hay là khi sống động, mắt sẽ cử động mà không bị dục vọng điều khiển. Sau này, tôi thường có chứng nghiệm đó trong latihan mình. Người còn cho hay thêm là ngay cả hơi thở của chúng ta cũng tự động xảy ra. Tôi không hiểu Bapak muốn nói gì. Sau khi Bapak bảo mình tiếp nhận, tôi nhận thấy tốc độ và nhịp độ của sự thở vào và hít ra thay đổi mỗi lúc, cái trước khác cái sau. Sau này, tôi để ý thấy những bộ phận hô hấp của mình đôi khi tự tập luyện trong latihan. Trong một cái latihan khác, tôi có cảm giác như tất cả các lông tóc trên cơ thể mình đang đứng thẳng và bắt đầu lắc lư cử động như thân lúa bị gió thổi. Cái cảm giác đó thực sự đến nỗi tôi biết là mình không đang tưởng tượng, mà là điều trí óc không hiểu nổi. Theo Bapak, sự hoạt động của cảm xúc khác hẳn với trí óc, và những gì tôi nghiệm được là có thật, mặc dù trí óc không giải thích được.

Càng tập latihan lâu, tôi càng thấy có điều đáng để ý là không gì có thể giấu kín. Ngay cả những điều chỉ có thể giữ lấy cho bản thân mình và chưa từng bàn luận với bất cứ ai cũng có thể phơi bày ra ánh sáng. Nhưng nhóm chúng tôi có vẻ như tin cậy Bapak nhiều đến nỗi không ai cho thấy dấu hiệu oán giận hay ngượng ngịu. Khi được Bapak hỏi như vậy là có đúng hay không, người được hỏi luôn nhìn nhận sự việc và đáp là đúng. Người đó không tức giận vì những bí mật của mình đã bị tiết lộ. Chúng tôi cười đùa một cách tự nhiên và biết rằng mỗi người đều có những yếu kém và thiếu sót. Tôi hiểu rằng Bapak không đùa cợt với chúng tôi, mà là đang tìm cách giúp chúng tôi thấy được những nhược điểm của mình. Chúng tôi ý thức được trong phong trào tâm linh của mình không hề có chuyện tự bào chữa là mình không biết gì hết về những lỗi lầm của mình, và con đường tâm linh của chúng tôi dẫn mình tới những khó khăn và trở ngại phải vượt qua.

Có lần Bapak bảo một hội viên vẽ chân dung của mỗi người trong nhóm. Khi nhìn những chân dung đó trên bảng, tôi thấy chúng

không giống chút nào những con người, vì về mỗi người anh vẽ những món đồ như căn nhà, cây cối, con dao vv...Bapak giải thích ý nghĩa của mỗi hình được vẽ. Hình như mỗi hình tượng trưng cho tình trạng hiện nay của người được vẽ về mặt vật chất và tâm linh, như bệnh tật, tài chánh của đương sự, sự quan hệ với người vợ vv...Chỉ vào một hình có đầu dê với một chuỗi hạt ki dị quanh cổ, Bapak cho hay cái sức mạnh có ưu thế trong đầu đương sự vẫn còn là sức mạnh thú vật, chứ chưa là sức mạnh con người. Người được Bapak nhắc tới nói một cách khá buồn rầu: ‘Tôi đã tập latihan hơn 10 năm, mà đầu mình vẫn còn là đầu thú vật!’

Một người khác Bapak cho hay : ‘Hình con gà con tiêu biểu cho quan hệ của bạn với vợ. Gà con làm được gì? Chẳng được gì hết; nó không đẻ được trứng, không có gì là thực dụng, và bạn không làm gì được với nó, ngoài việc coi nó là thú kiềng. Trong tiếng Java người vợ được gọi là *garwa*, nguyên văn nghĩa là phần nửa còn lại của linh hồn người đàn ông. Điều này có thể là thật, nếu đôi bên đạt được một tình trạng tâm linh trong đó họ có linh hồn con người; nếu không thì không thể hòa hợp tâm linh. Tiếng Java có những tiếng gọi khác về người vợ, như *rencang wingking*, nghĩa là người giúp việc trong nhà, và *semah*, nghĩa là người bạn trong nhà. Theo quan điểm tâm linh, một người vợ phải là sự hàm ý của những tiếng đó.’ Người được đề cập tới nói rằng Bapak nghĩ đúng, và anh cũng cảm thấy như vậy về vợ mình. Cách đây chưa đầy một năm, anh đã lấy làm vợ một thiếu nữ trẻ hơn mình, trông y như con gái mình.

Đến phiên mình tôi hỏi hỏi mong rằng sẽ không có gì khiến mình phải bối rối. Hình trên bảng cho thấy những thứ không liên quan với nhau, theo chỗ tôi nhận xét. Có một ngọn núi với mặt trời vừa mọc trên đỉnh, hai cây cối nhỏ, một đầu người trong thời kì đầu của sự phát triển nhưng thiếu mắt và những bộ phận khác, một mặt trăng lưỡi liềm và một con gà trống. Bapak giải nghĩa: ‘Ngọn núi có nghĩa là tổ tiên bạn thuộc giới quý tộc của đất nước; rất có thể họ là con cháu của các vua chúa nhiều năm trước đây. Sự việc đó được con gà trống xác minh, đó là biểu tượng về việc trong bản chất mình bạn có những đức tính liên quan tới dòng dõi mình. Mặt trời vừa mọc trên đỉnh núi là biểu tượng của ánh sáng, và ánh sáng là biểu tượng của thông tin và kiến thức. Điều này có nghĩa là một ngày nào đó Thượng Đế sẽ khiến bạn được ngộ đạo. Hai cây cối tượng trưng cho hai đứa con bạn. Bạn thấy nội dung tâm hồn

chúng vẫn còn là sức mạnh thảo mộc, chúng không có linh hồn con người. Điều này không thể không là như vậy được, do tình trạng tâm linh của chính bạn. Linh hồn bạn chỉ trong thời kì đầu của sự phát triển, vì chỉ có một cái đầu chưa được hoàn toàn. Những bộ phận khác của cơ thể vẫn còn thiếu. Thế cho nên, bạn chỉ có thể sinh sản những đứa con mà tâm linh vẫn còn sơ đẳng, những đứa con chưa có linh hồn con người. Khi những đứa con bạn sinh ra, tình trạng tâm linh bạn chưa được phát triển, nên chúng sinh ra thông qua nafsu bạn. Hiện nay về mặt tâm linh bạn đang phát triển và đã đạt được giai đoạn đầu. Mặt trăng là biểu tượng của hạnh phúc, và hạnh phúc của bạn là trong tâm hồn bạn, và tâm hồn bạn là người vợ. Điều này có nghĩa là cảm xúc bạn chỉ được yên vui, khi có mặt người vợ mình. Khi vợ mình đi mất, bạn thấy lo lắng. Nhưng ngay sau khi lại thấy vợ mình, bạn yên vui trở lại. Vị trí trăng ngay trước mặt cái đầu trong thời kì đầu của sự phát triển chứng tỏ vợ bạn có một ảnh hưởng rất lớn đối với bạn.. Bạn không ý thức được điều này, thực ra vợ bạn là người làm chủ trong gia đình, chứ không là bạn.”

Khi về nhà sau latihan, tôi kể cho bà xã mình nghe về những gì Bapak giảng giải và hỏi bà điều này có thật hay không: bà đã ảnh hưởng hưởng tới tôi và luôn tự ý định đoạt. Tôi hơi oán giận, vì cho tới nay tôi vẫn tự cho mình là người chủ gia đình.

Bà không chối cãi chuyện đó mà chỉ mỉm cười và đáp rằng đó là bí mật của phụ nữ.“

Bapak đôi khi cũng có lời khuyên cho những người tham gia Cách Mạng, và điều thường xảy ra là tác động của latihan làm cho hội viên Subud tạo được những kết quả bất ngờ. Pak Sudarto kể một kinh nghiệm bản thân cho thấy rõ điều đó.

Có lần Chính Phủ Cộng Hòa cần có một người ở miền Trung Java, tại Blitar, để phát thanh tuyên truyền trên radiô. Bapak phải Pak Sudarto đi. Khi nghe chương trình phát thanh của ông, nhiều người đã được khai mở, và hội đó ở miền Trung Java lại không có phụ tá để trông coi họ. Nên Bapak phải kêu Pak Sudarto về gấp rút, nếu không thì mọi người dân Blitar sẽ bị khủng hoảng.

Còn có một câu chuyện khác về thời đó, tuy chưa chắc là sự thật, nhưng khá thú vị. Đó là việc Chính Phủ Cộng Hòa đã nhờ Pak

Sudarto và Pak Brodjolukito tiếp nhận coi địch quân ở đâu. Ngay cả Bapak trong một khoảng thời gian cũng đã huấn luyện võ Setia Hati cho những thanh niên chiến đấu cho tự do, và trong lúc tập luyện họ được khai mở, vì môn võ đó đòi hỏi người tập phải để cho nội ngã hướng dẫn những động tác của mình.

Bằng cách này hay cách khác mọi người ở Yogyakarta đã dính líu với Cách Mạng. Ngày 19 tháng 12 năm 1949 người Hà Lan đem quân chiếm lấy Yogyakarta. Tất cả các thanh niên đều vô bụng, để theo quân đội Cộng Hòa dùng du kích chiến chống lại địch. Với một đám thanh niên, Haryono tìm cách đem những tờ báo do phe Quốc Gia in phân phát tại những vùng bị địch chiếm đóng. Nhưng cũng có những chuyện đau buồn xảy ra. Người em trai của Pak Wiryohudoyo bị bắn chết, khi anh trèo lên một ngọn cây, để coi xem những gì đang xảy ra. Một toán quân tuần tra Hà Lan đi ngang qua, và thấy có tiếng động trên cây, họ đã bắn vào đó.

Tháng Giêng năm 1949 Hội Đồng Bảo An của Liên hiệp quốc đòi phải trả lại chủ quyền cho người Nam Dương vào tháng 1 tháng 7 năm 1950. Quân Hà Lan bắt đầu rút khỏi Yogyakarta và trả lại tự do cho những viên chức bị bắt giữ của Chính Phủ Cộng Hòa. Những trận đánh lê tề vẫn còn xảy ra ở miền Trung Java, cho tới lúc lệnh ngưng bắn có hiệu lực vào ngày 11 tháng 8 năm 1949.

Trong lúc chiến tranh, nhiều hội viên Subud đã không thể gặp nhau để tập latihan, vì những giới hạn do người Hà Lan đặt ra. Vì lí do an ninh, Bapak đã phải thay đổi nơi ăn chôn ở nhiều lần.

Hai tháng sau khi có lệnh ngưng bắn, Bapak lập nên một công ty nhỏ bé tên là *Firma Balai Tehnik*, nghĩa là Công Ty Thiết Bị Subud. Những năm sau đó, Bapak nói rằng mình cảm thấy rất thoải mái, vì có được một con ngựa và một chiếc xe kéo ngựa. Công ty đó chỉ tồn tại được hai năm. Vào lúc đó, tình hình ở Nam Dương đã thay đổi hoàn toàn, người Hà Lan chính thức trả lại chủ quyền cho người Nam Dương vào ngày 27 tháng 12 năm 1949. Cuối thập niên 40, Bapak được 48 tuổi và người tóm lược lại những gì mình cảm thấy, sau khi đất nước được độc lập.

“Khi ở Yogyakarta và làm việc ở đó Bapak luôn chờ đợi cơ hội kiếm được cách đi ra nước ngoài, vì mình đã được lệnh phải làm điều đó lúc còn ở Semarang trong năm 1933. Quả thực tất cả những

thông điệp mà Bapak nhận được, đã trở thành sự thật, nhưng Bapak chưa nhận được bằng chứng về cái thông điệp là sau thế chiến và sau khi Nam Dương được giải phóng, Bapak phải đi ra nước ngoài để truyền bá latihan. Mặc dù vậy, Bapak vững tin là mình sẽ làm điều đó, và đó chỉ là chuyện đợi chờ thời cơ.”

Sau khi Nam Dương được độc lập, Subud bắt đầu bành trướng khá nhanh chóng, vì số người muốn được khai mở chột gia tăng. Những hội viên lâu đời thường tập latihan nơi nhà của Bapak, trong khi những hội viên mới thì tập ở Semaki, nơi có hai phư tá. Khoảng trước năm 1954 tất cả các hội viên đều tập latihan tại một trường học. Sờ dĩ vậy có lẽ là vì có thêm hội viên, nên không thể tập latihan tại nhà của hội viên, vì quá chật chội. Ngay trong năm 1950 Subud đã có cơ sở vững chắc ở Yogyakarta, và có nhiều nhộm Subud nhỏ bé khác tại Jakarta và một vài thành phố của miền Trung Java. Tổng số những hội viên tích cực vào khoảng 200 người, và số người đã được khai mở chắc chắn phải nhiều hơn. Xét hoàn cảnh của Subud hồi đó, không ai ngờ rằng cuối thập niên 50 latihan sẽ bành trướng khắp thế giới.

Trong thập niên 20 Bapak đã tiếp nhận được là trong tương lai mình sẽ đi khắp thế giới để truyền bá latihan. Hồi đó người vẫn còn bán tín bán nghi, nhưng kể từ lúc nghiệm được sự thăng thiên, người nhận thức được quyền năng bao la của Thượng Đế, và tin rằng chuyện đi thế giới của mình một ngày nào đó chắc chắn sẽ xảy ra. Năm 1941 Bapak kết hôn với Siti Sumari. Bà là người tuyệt đối tin tưởng những gì Bapak đã tiếp nhận và hỗ trợ chồng mình bằng mọi cách mình có thể làm. Nhưng khi đất nước được độc lập, họ vẫn còn nghèo khổ, không có địa vị gì trong xã hội, những người theo họ phân đông là người Java, và chỉ có một vài người giữ những chức vụ quan trọng nơi thành phố mình. Cả Bapak và Ibu đều tìm cách thể hiện thiên khai là Subud sẽ bành trướng ra hải ngoại và Bapak sẽ đi khắp thế giới.

Ibu cảm thấy mình phải nỗ lực làm việc gì đó. Trở ngại hiển nhiên nhất là thiếu tiền. Làm cách nào để cho Bapak có tiền? Bà có một ý định là sẽ kiếm cho Bapak một người vợ giàu có.

Hình như có một bà quả phụ giàu có thuộc dòng dõi vua chúa, và là một người rất thích tìm hiểu tâm linh. Ibu quyết định đến thăm dò bà, để coi bà có chịu kết hôn với Bapak hay không. Có lẽ Ibu đã

đến gặp bà nhiều lần, nhưng chẳng được chuyện gì. Khi Ibu kể cho Bapak nghe chuyện đó, thì Bapak rất ngạc nhiên và thấy thật tức cười. Người nói giải pháp của Ibu không là Ý Thượng Đế.

Bapak đã tiếp nhận được là sẽ có một người Tây phương đến, và nhờ nhân vật đó Subud sẽ có thể bành trướng trên khắp thế giới. Và đó là điều người đang chờ đợi.

Minh Thần 9.2009

gn
2021

